CÔNG TY CP TM VÀ DV DẦU KHÍ VŨNG TÀU VIMEXCO GAS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP.HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2025

THƯ MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: **Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Thương Mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu (VIMEXCO GAS)**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu (VIMEXCO GAS) trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

1. Thời gian: **Từ 8h00, Thứ ba, ngày 29/04/2025**
2. Địa điểm: **110A Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP. HCM**
3. Thành phần tham dự Đại hội: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần VMG theo danh sách người sở hữu chứng khoán VMG chốt tại ngày **01/04/2025** do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp.
4. Nội dung Đại hội: Theo chương trình và tài liệu được đăng tải trên website www.vimexcogas.com.vn
5. Ủy quyền tham dự Đại hội:

- Để tạo điều kiện thuận tiện cho việc tổ chức Đại hội thành công tốt đẹp, Quý Cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội trước ngày **25/04/2025** bằng điện thoại, Zalo, SMS hoặc gửi thư theo địa chỉ sau:

  Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu
  Địa chỉ: 110A Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
  Trưởng Ban kiểm soát: Võ Cao Phong, Zalo / Điện thoại / SMS: 0909 233 253
  TV Ban kiểm soát: Đặng Thị Bích Ngọc, Zalo / Điện thoại / SMS: 0328 007 663

- Trong trường hợp Quý Cổ đông không tham dự Đại hội hoặc không có người đại diện ủy quyền tham dự Đại hội, Quý Cổ đông có thể ủy quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát của Vimexco Gas để Đại hội có thể đủ điều kiện tiến hành thành công.

6. Cổ đông/người được ủy quyền vui lòng mang theo:

- Thư mời họp;
- Căn cước công dân (CCCD) hoặc Hộ chiếu;
- Giấy ủy quyền (nếu có ủy quyền).

Rất mong sự hiện diện của Quý Cổ đông để Đại hội thành công tốt đẹp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LÊ HỮU CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU
DN: cn=CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU
Date: 2025.04.08 17:11:27 +07'00'

CÔNG TY CP TM & DV DẦU KHÍ VŨNG TÀU VIMEXCO GAS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---	---

TP.HCM, ngày tháng năm 2025

GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ/ ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VIMEXCO GAS NĂM 2025

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thương mại & Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu

Tên cổ đông: ....Mã cổ đông: .....
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKSH:..... .....Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....
Người đại diện theo pháp luật *(đối với tổ chức)*: .....
Địa chỉ liên hệ .....
Tổng số cổ phần sở hữu tại ngày **01/04/2025**:.....(Cổ phần)

1. **Trực tiếp tham dự:** ☐ (vui lòng đánh dấu (x) vào ô)
2. **Ủy quyền cho Ông/Bà có tên dưới đây:**

Họ tên: .....
Số CCCD/ Hộ chiếu/ĐKSH: .....Ngày cấp: .....Nơi cấp:.....
Địa chỉ: .....

Hoặc ủy quyền cho một trong các Thành viên Hội đồng quản trị – Ban kiểm soát Vimexco Gas có tên sau đây (Vui lòng đánh dấu (x) vào ô thành viên cổ đông ủy quyền):

a. Hội đồng quản trị	b. Ban kiểm soát
☐ Ông Lê Hữu Chí/ Chủ tịch HĐQT	☐ Ông Võ Cao Phong/ Trưởng BKS
☐ Ông Trần Thái Hưng Long/ TV HĐQT	☐ Bà Đặng Thị Bích Ngọc / TV BKS
☐ Bà Nguyễn Thị Kim Thi/ TV HĐQT	☐ Ông Nguyễn Hoàng Nam/ TV BKS

Xin vui lòng xác nhận tham dự/ ủy quyền tham dự này trước ngày 25/04/2025 bằng điện thoại, Zalo, SMS hoặc gửi thư theo địa chỉ sau:

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu
Địa chỉ: 110A Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
Trưởng Ban kiểm soát: Võ Cao Phong, Zalo / Điện thoại / SMS: 0909 233 253
TV Ban kiểm soát: Đặng Thị Bích Ngọc, Zalo / Điện thoại / SMS: 0328 007 663

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền tham dự và biểu quyết toàn bộ các vấn đề trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội, liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ VIMEXCO GAS đồng thời cam kết không đưa ra bất cứ khiếu nại, khiếu kiện gì đối với Công ty.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)*

Ghi chú:

- *Nếu Bên ủy quyền là tổ chức phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức và đóng dấu của tổ chức.*
- *Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ thời điểm ủy quyền đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của* VIMEXCO GAS, *trong trường hợp bất khả kháng Quý cổ đông có thể thay đổi người ủy quyền nhưng phải báo trước cho Ban tổ chức trước khi khai mạc Đại hội.*

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

****

Thời gian: Từ 8h00 Thứ ba, ngày 29/04/2025

Địa điểm: 110 A Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Thời gian dự kiến	Nội dung	Thực hiện
8h00 - 8h30	**Đăng ký cổ đông**	
	- Đón tiếp Đại biểu, cổ đông đăng ký tham dự Đại hội, phát tài liệu tham dự Đại hội	Ban tổ chức
	- Kiểm tra tư cách cổ đông	
8h30 - 9h00	**Khai mạc**	
	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự Đại hội	Ban tổ chức
	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
	- Giới thiệu và thông qua thành phần Đoàn Chủ tọa	Ban tổ chức
	- Giới thiệu và thông qua thành phần Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu	
	- Thông qua Chương trình Đại hội	
	- Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội	
	- Phát biểu khai mạc Đại hội	Đoàn Chủ tọa
9h00 - 10h00	**Trình bày các báo cáo, tờ trình**	
	- Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025	Đoàn Chủ tọa
	- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025	
	- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch công tác năm 2025	
	- Tờ trình V/v: thông qua Báo cáo tài chính 2024 đã được kiểm toán	Ban tổ chức
	- Tờ trình V/v: lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025	
	'- Tờ trình V/v: cập nhật, sửa đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ	
	'- Tờ trình V/v: thực hiện giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan	
10h00 - 10h20	Đại hội tiến hành thảo luận, biểu quyết các báo cáo - tờ trình	Đoàn Chủ tọa
10h20 - 10h50	Đại hội nghỉ giải lao	
10h50 - 11h00	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết	Ban kiểm phiếu
11h00 - 11h15	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Ban thư ký
11h15 - 11h30	Bế mạc Đại hội	Đoàn Chủ tọa

CÔNG TY CP TM & DV DẦU KHÍ VŨNG TÀU VIMEXCO GAS ……..***……..	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ……..***……

TP.HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2025

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; và các văn bản dưới Luật kèm theo;*
- *Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;*
- *Điều lệ Công ty cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu.*
- *Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu.*

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

Điều 1 : Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên của Công ty cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ thể hiện ý chí thống nhất của ĐHĐCĐ, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2 : Đối tượng và phạm vi

- ***Đối tượng áp dụng***: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu và khách mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên Công ty cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- ***Phạm vi áp dụng***: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu.

Điều 3 : Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty	:	Công ty cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Dầu Khí Vũng Tàu
- HĐQT	:	Hội đồng quản trị
- BKS	:	Ban Kiểm soát
- BTC	:	Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ/Đại hội	:	Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu	:	Cổ đông, người đại diện (*người được ủy quyền*)

Điều 4 : Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền tham dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách Cổ đông để triệu tập họp ĐHĐCĐ.
- Trường hợp không có đủ số lượng Đại biểu cần thiết để tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất, cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được triệu tập lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai này chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số Đại biểu cần thiết, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần hai, và trong trường hợp này cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 5 : Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

- Các Cổ đông của Công ty theo danh sách của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 01/04/2025 có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

Điều 6 : Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 7 : Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng … theo yêu cầu của BTC.
- Cổ đông hoặc người ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:
  + Thư mời họp;
  + Căn cước công dân hoặc hộ chiếu;
  + Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội): Trường hợp Cổ đông là cá nhân thì giấy ủy quyền phải được ký bởi Cổ đông đó. Trường hợp Cổ đông là tổ chức thì giấy ủy quyền phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó.
- Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách Cổ đông, Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết (ghi họ tên Cổ đông, mã số Cổ đông và số cổ phần sở hữu).
- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông đến

muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi cổ đông đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Tuân thủ các quy định của BTC, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có Đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất Đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

Điều 8 : Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 02 Thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập hoặc chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa Đại hội. Cụ thể như sau:
  + Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa Đại hội theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.
  + Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
  + Điều khiển Đại Hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại Hội thông qua.
  + Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội.
  + Giới thiệu thành phần Ban chủ tọa để Đại hội biểu quyết.
  + Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết.
  + Giới thiệu thành phần Ban thư ký để Đại hội biểu quyết.Hướng dẫn Đại Hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại Hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại Hội.
  + Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.
  + Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại Hội.
  + Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.
  + Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Điều 9 : Ban kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội do Chủ tọa giới thiệu gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.
- Nhiệm vụ:

+ Đối chiếu kiểm tra tính hợp lệ của cổ đông tham dự họp theo danh sách đã chốt tại thời điểm ngày 01/04/2025.
+ Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi ĐHĐCĐ chính thức tiến hành.
+ Phối hợp với Ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết.

Điều 10 : Ban Thư ký Đại hội:

- Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa giới thiệu, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.
- Nhiệm vụ:
  + Tiếp nhận, rà soát "phiếu câu hỏi" đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
  + Ghi chép Biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại Hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại Hội.
  + Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại Hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại Hội.

Điều 11 : Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên.
- Nhiệm vụ:
  + Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
  + Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội.
  + Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
  + Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 12 : Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ.
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận.
- Đại biểu nào có ý kiến thì ghi vào "Phiếu câu hỏi" chuyển đến Ban Thư ký, Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.
- Trong thời gian tiến hành Đại hội, các Đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở "Phiếu câu hỏi" của Đại biểu, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu.
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản sau.

Điều 13 : Thể lệ biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc

Có hai (02) hình thức biểu quyết tại Đại hội

a. Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết

- Hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Thành phần Đoàn Chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc tại Đại hội, dự thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các trường hợp khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để đồng ý hoặc không đồng ý hoặc ý kiến khác về một vấn đề được đưa ra để biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết.
- Thẻ biểu quyết in trên giấy A4 có thông tin: Họ và tên cổ đông, mã số cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu.
- Thẻ biểu quyết có đóng dấu mộc đỏ của CTCP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu.

b. Biểu quyết bằng hình thức bỏ Phiếu biểu quyết:

- Hình thức này được dùng để thông qua:
  + Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025
  + Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025
  + Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch công tác năm 2025
  + Tờ trình V/v: thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán
  + Tờ trình V/v: lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025
  + Tờ trình V/v: Cập nhật, sửa đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ
  + Tờ trình V/v: thực hiện giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan
- Đối với nội dung trên: Tổng số phiếu biểu quyết cho mỗi Báo cáo, Tờ trình của mỗi Cổ đông bằng (=) Tổng số cổ phần sở hữu của Cổ đông.
- Hình thức Phiếu biểu quyết:
  + Phiếu biểu quyết các tờ trình, báo cáo được in trên giấy A4.
  + Phiếu có các thông tin: tên Cổ đông, mã số Cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu/đại diện.
  + Phiếu có bảng kê các nội dung cần biểu quyết thông qua, các ô để Đại biểu biểu quyết: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến; xác nhận của Cổ đông/ Đại diện Cổ đông.
  + Phiếu biểu quyết có đóng dấu mộc đỏ của CTCP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu.
- Phương thức nộp Phiếu biểu quyết: Mỗi Đại biểu được phát một (01) Phiếu biểu quyết trong đó có ba (03) ý kiến: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến với từng vấn đề. Đại biểu sẽ đánh dấu "X" hoặc "✓" vào ô lựa chọn. Sau khi Đại

biểu điền phiếu biểu quyết, Phiếu biểu quyết sẽ được bỏ vào Thùng phiếu hoặc Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành thu Phiếu tại Đại hội.

*c. **Phiếu biểu quyết hợp lệ:***

- Phiếu có hình thức giống như mô tả giống như ở phần "Hình thức phiếu biểu quyết";
- Phiếu chỉ chọn 01 (một) trong 03 (ba) ô: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến;
- Có chữ ký, ghi rõ họ tên của Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của Cổ đông.

*d. **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:***

- Phiếu không phải do Ban tổ chức phát hành;
- Phiếu không có chữ ký của Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của Cổ đông;
- Phiếu biểu quyết để trống cả 03 (ba) ô hoặc chọn vào 02 (hai) hoặc 03 (ba) ô "Tán thành", "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến", hoặc Phiếu không xác định được nội dung mà Đại biểu biểu quyết;
- Phiếu tẩy, xóa, sửa chữa các ký hiệu điền trong ô;
- Phiếu điền hoặc viết vẽ ngoài ô theo quy định;
- Phiếu tách rời không còn nguyên vẹn.

Cổ đông không được quyền yêu cầu thay đổi hay lấy phiếu ra khi phiếu biểu quyết đã được bỏ vào thùng phiếu.

2. Thể lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 01/04/2025) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 9.600.000 cổ phần tương đương với 9.600.000 quyền biểu quyết.
- Mỗi quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều 32 Điều lệ Công ty.
- Các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 32 Điều lệ Công ty được thông qua nếu số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- Lưu ý:

• Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).

- Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công

ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

3. **Ghi nhận kết quả biểu quyết**

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 14 : Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp, Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

Điều 15 : Hiệu lực thi hành

Quy chế tổ chức này được đọc công khai trước Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025 và có hiệu lực thi hành ngay khi Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu biểu quyết thông qua. Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu kết thúc.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu. Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LÊ HỮU CHÍ

CÔNG TY CP TM & DV DẦU KHÍ VŨNG TÀU VIMEXCO GAS	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……***……	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01 /TTr-HĐQT/2025	……***……
	TP. HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

"V/v:Thông qua danh sách Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu"

Kính gửi: **Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025**

Căn cứ:

- *Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Điều lệ Công ty CP TM & DV Dầu Khí Vũng Tàu thông qua ngày 29/11/2024;*

Để Đại hội bắt đầu tiến hành, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu kính trình Đại hội thông qua nhân sự Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu như sau:

I. ĐOÀN CHỦ TỌA

1. Ông Lê Hữu Chí	- Chủ tịch HĐQT	- Chủ tịch Đoàn
2. Ông Trần Thái Hưng Long	- TV.HĐQT/Tổng giám đốc	- Thành viên
3. Ông Võ Cao Phong	- Trưởng Ban kiểm soát	- Thành viên

II. BAN THƯ KÝ

1. Bà Đặng Thị Bích Ngọc	- Trưởng Ban
2. Bà Nguyễn Thị Hiền	- Thành viên

III. BAN KIỂM PHIẾU

1. Ông Đặng Trần Hồng Quân	- Trưởng Ban
2. Bà Nguyễn Trần Hạnh Đoan	- Thành viên
3. Bà Lê Thị Thanh Tuyền	- Thành viên

Kính trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến và thông qua.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *HĐQT, BKS;*
- *Lưu HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Lê Hữu Chí

CÔNG TY CP TM & DV DẦU KHÍ VŨNG TÀU VIMEXCO GAS	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……..***……	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02 /TTr-HĐQT/2025	……..***……
	TP. HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

"V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán "

Kính gửi: **Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025**

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Điều lệ Công ty CP TM & DV Dầu Khí Vũng Tàu thông qua ngày 29/11/2024;*
- *Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

(Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán đính kèm)

Kính trình Đại hội cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Hữu Chí

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *HĐQT, BKS;*
- *Lưu HĐQT.*

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bà Rịa, Vũng Tàu – Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty") là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Chi nhánh Công ty Thương mại và Dịch vụ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 5335/QĐ-UBND ngày 31/12/2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500755050 lần đầu ngày 21/7/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/5/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500755050 thay đổi lần thứ 7 ngày 11/5/2022 là 96.000.000.000 VND *(Bằng chữ: Chín mươi sáu tỷ đồng).*

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán VMG.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 52 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hữu Chí	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Kim Thi	Thành viên
Ông Trần Thái Hưng Long	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Võ Cao Phong	Trưởng ban
Bà Lương Thị Ngọc Bích	Thành viên (Từ nhiệm từ ngày 29/11/2024)
Bà Đặng Thị Bích Ngọc	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên (Bổ bổ sung từ ngày 29/11/2024)

Ban Điều hành

Ông Trần Thái Hưng Long	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/10/2024)
Ông Trần Minh Hiếu	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/10/2024)
Bà Nguyễn Thị Kim Thi	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 11/11/2024)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Thay mặt và đại diện Hội đồng Quản trị,

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Lê Hữu Chí
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2025

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 154/2025/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu được lập ngày 28/3/2025, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đồng thời chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa nhận được quyết định cuối cùng liên quan đến Quyền sử dụng đất đang có tranh chấp tại số 52 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, với nguyên giá bằng giá trị còn lại tại ngày 31/12/2024 là 932.560.000 VND (Thuyết minh số 5.11). Vấn đề chưa được xử lý trong năm hiện tại, Chúng tôi không xác định được ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến Báo cáo tài chính năm 2024.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến ngoại trừ" Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2024, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 5.685.301.990 VND, đồng thời, Công ty có khoản lỗ lũy kế với số tiền là 121.279.230.672 VND. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 6.401.386.128 VND. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nêu trên.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Nguyễn Thị Mai Hoa	**Lê Thanh Tùng Lâm**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 5475-2021-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**78.509.555.250**	**54.208.067.510**
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**3.094.956.546**	**6.161.583.470**
1. Tiền	111		3.094.956.546	6.161.583.470
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5.2**	**1.122.826**	**1.088.606**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.122.826	1.088.606
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**71.544.348.202**	**45.393.140.158**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	96.820.611.618	66.892.956.303
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	9.011.768.064	12.237.610.335
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	4.557.318.260	5.107.923.260
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(39.013.558.166)	(39.013.558.166)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	168.208.426	168.208.426
IV- Hàng tồn kho	**140**	**5.8**	**2.820.830.024**	**2.015.925.502**
1. Hàng tồn kho	141		2.820.830.024	2.015.925.502
V- Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.048.297.652**	**636.329.774**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	890.223.503	478.255.625
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		158.074.149	158.074.149
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	**200**		**62.812.111.508**	**71.210.042.055**
I Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**780.068.079**	**1.004.111.859**
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	780.068.079	1.004.111.859
II Tài sản cố định	**220**		**28.951.168.642**	**32.917.956.902**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	24.073.821.030	27.681.295.930
- *Nguyên giá*	*222*		*73.625.621.109*	*73.387.941.090*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(49.551.800.079)*	*(45.706.645.160)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.12	1.900.701.000	2.159.887.500
- *Nguyên giá*	*225*		*2.591.865.000*	*2.591.865.000*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		*(691.164.000)*	*(431.977.500)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	2.976.646.612	3.076.773.472
- *Nguyên giá*	*228*		*4.668.279.000*	*4.668.279.000*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(1.691.632.388)*	*(1.591.505.528)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**1.024.062.000**	**423.500.000**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	1.024.062.000	423.500.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**-**	**-**
VI Tài sản dài hạn khác	**260**		**32.056.812.787**	**36.864.473.294**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	32.056.812.787	36.864.473.294
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**141.321.666.758**	**125.418.109.565**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	**300**		**128.042.943.888**	**105.738.000.567**
I- Nợ ngắn hạn	**310**		**84.194.857.240**	**53.433.957.212**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	48.823.907.471	12.486.877.862
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	3.557.818.156	3.741.161.777
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	2.038.416.345	5.084.294.226
4. Phải trả người lao động	314		1.683.135.015	2.209.980.125
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	74.994.487	130.548.827
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	7.198.656.638	7.027.851.087
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	20.817.716.660	22.753.030.840
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		212.468	212.468
II- Nợ dài hạn	**330**		**43.848.086.648**	**52.304.043.355**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.14	732.059.850	732.059.850
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		5.999.685	24.837.291
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	4.287.477.113	8.356.879.554
4. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.19	38.822.550.000	43.190.266.660
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	**400**		**13.278.722.870**	**19.680.108.998**
I- Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.20**	**13.278.722.870**	**19.680.108.998**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		96.000.000.000	96.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*96.000.000.000*	*96.000.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		35.149.050.000	35.149.050.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.823.272.048	2.823.272.048
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		585.631.494	585.631.494
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(121.279.230.672)	(114.877.844.544)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	*421a*		*(114.877.844.544)*	*(115.431.170.995)*
- LNST chưa phân phối kì này	*421b*		*(6.401.386.128)*	*553.326.451*
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**141.321.666.758**	**125.418.109.565**

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Mỹ Trang	Đặng Trần Hồng Quân	Trần Thái Hưng Long

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**6.1**	**637.448.445.154**	**1.302.090.832.721**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	10.517.066.261	6.682.786.779
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)**	**10**	**6.3**	**626.931.378.893**	**1.295.408.045.942**
4.	Giá vốn hàng bán	11	6.4	579.181.583.260	1.238.679.238.737
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**47.749.795.633**	**56.728.807.205**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	10.387.279	80.005.634
7.	Chi phí tài chính	22	6.6	9.217.476.064	8.242.101.346
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*8.710.308.543*	*7.392.570.946*
8.	Chi phí bán hàng	25	6.7	39.462.610.640	37.404.884.192
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	6.722.221.413	8.644.913.699
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}**	**30**		**(7.642.125.205)**	**2.516.913.602**
11.	Thu nhập khác	31	6.9	3.124.849.022	504.129.545
12.	Chi phí khác	32	6.9	1.377.555.676	1.164.265.239
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**	**6.9**	**1.747.293.346**	**(660.135.694)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	**50**		**(5.894.831.859)**	**1.856.777.908**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	506.554.269	1.352.016.147
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(48.564.690)
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**(6.401.386.128)**	**553.326.451**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**6.11**	**(667)**	**58**

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Mỹ Trang	Đặng Trần Hồng Quân	Trần Thái Hưng Long

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I.	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	*01*		***(5.894.831.859)***	***1.856.777.908***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		4.330.402.236	4.066.580.035
	- Các khoản dự phòng	03		-	99.921.334
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.481.355)	(26.528.275)
	- Chi phí lãi vay	06		8.710.308.543	7.392.570.946
3.	***Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***7.143.397.565***	***13.389.321.948***
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(25.926.325.722)	(3.013.851.308)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(804.904.522)	(742.466.184)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		27.460.938.077	(4.189.365.945)
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.395.692.629	5.796.176.037
	- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.500.094.032)	(6.213.111.256)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.352.016.036)	(1.203.990.960)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.283.670.000
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(1.061.900.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***4.416.687.959***	***4.044.482.332***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(1.031.513.200)	(1.143.448.965)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		59.431.300	5.800.000
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(34.220)	(1.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.690.000.000
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.548.737	69.440.008
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(962.567.383)***	***2.621.791.043***
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ đi vay	33		58.650.000.000	98.599.137.952
2.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(64.517.597.520)	(101.404.416.235)
3.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(653.149.980)	(653.149.980)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(6.520.747.500)***	***(3.458.428.263)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**(3.066.626.924)**	**3.207.845.112**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**6.161.583.470**	**2.953.738.358**
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	**70**	**5.1**	**3.094.956.546**	**6.161.583.470**

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Mỹ Trang	Đặng Trần Hồng Quân	Trần Thái Hưng Long

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Chi nhánh Công ty Thương mại và Dịch vụ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 5335/QĐ-UBND ngày 31/12/2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500755050 lần đầu ngày 21/7/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/5/2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500755050 thay đổi lần thứ 7 ngày 11/5/2022 là 96.000.000.000 VND *(Bằng chữ: Chín mươi sáu tỷ đồng).*

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã chứng khoán VMG.

Tên Công ty ty viết bằng tiếng nước ngoài: VUNGTAU PETROLEUM TRADING AND SERVIECS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: VIMEXCO GAS.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 52 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 87 người (Tại ngày 31/12/2023 là 90 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 16/12/2024, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn và du lịch);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (Chi tiết: Tổ chức sửa chữa chống ăn mòn giàn khoan biển và phương tiện nổi dầu khí;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Chi tiết: Kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; Giám định kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa; Kiểm định phương tiện đo lường;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kinh loại (Chi tiết: Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất; Sản xuất thùng chứa bằng kim loại cho nén và hóa lỏng khí đốt; Sản xuất nồi hơi trung tâm và nồi cấp nhiệt;
- Sửa chữa thiết bị khác (Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì bình Gas, bồn Gas);
- Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại (Chi tiết: Xi mạ, sơn bình Gas (không hoạt động tại trụ sở);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.3 Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất vỏ bình Gas (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật và phải đảm bảo đáp ứng đủ các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động);
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư;

Hoạt động chính của Công ty trong năm là: Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG);

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31/12/2024 gồm:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu tại Bình Dương	Số 218A, ấp Lồ Ô, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu tại Đồng Nai	(Nằm trong khuôn viên Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai) ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
3	Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	110A Hoàng Hoa Thám, phường 7, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
4	Chi nhánh Thành phố Thủ Đức - Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	677A Lê Văn Việt, phường Tân Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2024, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 5.685.301.990 VND, đồng thời, Công ty có khoản lỗ lũy kế với số tiền là 121.279.230.672 VND. Trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 6.401.386.128 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Công ty đã làm việc với bên cho vay và nhà cung cấp về việc gia hạn các khoản phải trả trong năm 2025.
- Tích cực làm việc với các khách hàng để thu hồi các khoản công nợ phải thu đến hạn.
- Áp dụng các chính sách bán hàng mới nhằm tiếp cận thêm các khách hàng mới từ đó đẩy mạnh tiêu thụ.

Ban Điều hành Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Điều hành tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại để Xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm ngày 30/6/2015.

Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị quản lý	05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được coi là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	10

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí đầu tư vỏ bình gas được phân bổ trong thời gian 120 tháng.

Chi phí đầu tư van bình gas được phân bổ trong thời gian từ 36 tháng đến 120 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí bảo hành, phí kiểm định, các chi phí trả trước khác được phân bổ vào kết quả hoạt đồng kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay: Trích trước theo gốc vay, thời gian và lãi suất hợp đồng vay.
- Chi phí khác: Trích trước theo thời điểm chi phí phát sinh phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc ghi nhận Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước là khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu tài chính phù hợp với thời gian trả trước lãi của khoản cho vay.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ dự trữ, bổ sung vốn điều lệ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Thu nhập từ phân bổ khoản nhận ký quỹ, ký cược vỏ bình gas

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào doanh thu nhập khác theo đường thẳng với thời hạn phân bổ là 10 năm.

Lãi tiền gửi, thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

• Chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

• Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

• Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Hoạt động chủ yếu và chiếm gần 100% của Công ty là mua bán Khí hóa lỏng LPG nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, đồng thời, Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý do Công ty chỉ hoạt động duy nhất tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	865.198.678	2.278.612.433
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.229.757.868	3.882.971.037
Tổng	**3.094.956.546**	**6.161.583.470**

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.122.826	1.122.826	1.088.606	1.088.606
Tổng	**1.122.826**	**1.122.826**	**1.088.606**	**1.088.606**

(i) Tiền gửi có kỳ hạn theo Hợp đồng Tiền gửi có kỳ hạn - Tích lũy tự động số 11/2021/HDBank-TLTD ngày 06/12/2021 tại Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sài Gòn; áp dụng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tương ứng kỳ hạn 03 tháng do Ngân hàng công bố từng thời kỳ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	**96.820.611.618**	**66.892.956.303**
Công ty TNHH An Thuận	2.732.895.330	2.732.895.330
Công ty TNHH MTV Dầu Khí Đông Sài Gòn	2.635.195.871	1.288.959.884
Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP. Hồ Chí Minh	-	548.096.632
Công ty TNHH Dầu Khí Long Thuận	18.749.022.050	18.749.022.050
Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia	496.883.149	496.883.149
Công ty TNHH Gas Khánh Hoà	653.500.923	653.500.923
Gas Mẫn	556.991.621	556.991.621
Công ty TNHH Đầu tư Minh Quang	11.797.348.653	11.797.348.653
Công ty Cổ phần Dầu khí và Khoáng sản Quốc tế PASC	10.506.984.826	10.506.984.826
Gas Tám Lang	974.977.390	974.977.390
DNTN TM Thuận Hương	1.542.028.500	1.542.028.500
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Năng Lượng TP. Hồ Chí Minh	36.331.215.057	8.799.001.495
Các khách hàng khác	9.843.568.248	8.246.265.850
Tổng	**96.820.611.618**	**66.892.956.303**
	-	-
Trong đó: Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan *(chi tiết xem thuyết minh 7.1)*	***40.447.517.782***	***10.924.449.540***

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn - Xây dựng Nhà Việt	-	150.000.000
Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng Nam Nhà Bè	-	177.200.000
Công ty cổ phần Thẩm định giá và Giám định chất lượng Việt Nam	-	20.000.000
Công ty TNHH Tam Kỳ	-	24.493.643
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Năng Lượng Thái Bình Dương	6.283.994.113	-
Công ty Cổ phần Kho cảng Vina Benny	-	8.001.234.931
Công ty TNHH MTV Phát triển Hưng Phú Cường	1.640.000.000	1.540.000.000
Các đối tượng khác	1.087.773.951	2.324.681.761
Tổng	**9.011.768.064**	**12.237.610.335**
Trong đó, Trả trước cho người bán là các bên liên quan *(chi tiết xem thuyết minh 7.1)*	***6.283.994.113***	***8.001.234.931***

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.5 Các khoản phải thu khác

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	**Dự phòng**	**Giá trị ghi sổ**	**Dự phòng**
Ngắn hạn	**4.557.318.260**	**(3.827.084.850)**	**5.107.923.260**	**(3.827.084.850)**
Tạm ứng	141.553.596	(79.349.521)	446.553.596	(79.349.521)
Ký cược, ký quỹ	2.000.000	-	252.000.000	-
Công ty cổ phần Công nghệ An toàn Dầu khí -Cho mượn hàng	3.053.985.415	(3.053.985.415)	3.053.985.415	(3.053.985.415)
Phải thu khác	1.359.779.249	(693.749.914)	1.355.384.249	(693.749.914)
Dài hạn	**780.068.079**	-	**1.004.111.859**	-
Ký cược, ký quỹ	279.921.420	-	279.921.420	-
Phải thu các đối tượng khác	500.146.659	-	724.190.439	-
Tổng	**5.337.386.339**	**(3.827.084.850)**	**6.112.035.119**	**(3.827.084.850)**
Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan *(Chi tiết xem ở thuyết minh 7.1)*	***1.079.526.006***	-	***1.079.526.006***	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.6 Nợ xấu

	31/12/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Các khoản phải thu khách hàng	**3.753.581.824**	-	**(3.753.581.824)**	**3.753.581.824**	-	**(3.753.581.824)**
Công ty TNHH An Thuận (mượn hàng)	209.730.415	-	(209.730.415)	209.730.415	-	(209.730.415)
Công ty cổ phần Công nghệ An toàn Dầu khí	3.053.985.415	-	(3.053.985.415)	3.053.985.415	-	(3.053.985.415)
Các đối tượng khác	489.865.994	-	(489.865.994)	489.865.994	-	(489.865.994)
Tạm ứng	**85.128.596**	-	**(85.128.596)**	**85.128.596**	-	**(85.128.596)**
Lê Xuân Hảo	36.800.272	-	(36.800.272)	36.800.272	-	(36.800.272)
Các đối tượng khác	48.328.324	-	(48.328.324)	48.328.324	-	(48.328.324)
Phải thu của khách hàng	**35.445.992.825**	**295.638.722**	**(35.150.354.103)**	**35.445.992.825**	**295.638.722**	**(35.150.354.103)**
Công ty TNHH An Thuận	2.732.895.330	295.638.722	(2.437.256.608)	2.732.895.330	295.638.722	(2.437.256.608)
Công ty TNHH Miền Đông	751.092.862	-	(751.092.862)	751.092.862	-	(751.092.862)
Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia	496.883.149	-	(496.883.149)	496.883.149	-	(496.883.149)
Công ty TNHH Đầu tư Minh Quang	11.797.348.653	-	(11.797.348.653)	11.797.348.653	-	(11.797.348.653)
Công ty Khoáng sản Quốc tế PASC	10.506.984.826	-	(10.506.984.826)	10.506.984.826	-	(10.506.984.826)
DNTN Thuận Hương	1.542.028.500	-	(1.542.028.500)	1.542.028.500	-	(1.542.028.500)
Đại lý Gas Tám Lang	974.977.390	-	(974.977.390)	974.977.390	-	(974.977.390)
Công ty TNHH TM Đầu tư Nhật Minh	760.196.148	-	(760.196.148)	760.196.148	-	(760.196.148)
Gas Mẫn	556.991.621	-	(556.991.621)	556.991.621	-	(556.991.621)
Các khách hàng khác	5.326.594.346	-	(5.326.594.346)	5.326.594.346	-	(5.326.594.346)
Trả trước cho người bán	**24.493.643**	-	**(24.493.643)**	**24.493.643**	-	**(24.493.643)**
Công ty Tam Kỳ	24.493.643	-	(24.493.643)	24.493.643	-	(24.493.643)
Tổng	**39.309.196.888**	**295.638.722**	**(39.013.558.166)**	**39.309.196.888**	**295.638.722**	**(39.013.558.166)**

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Hàng tồn kho	168.208.426	168.208.426
Tổng	**168.208.426**	**168.208.426**

5.8 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	98.369.001	-	150.449.001	-
Hàng hóa	2.722.461.023	-	1.865.476.501	-
Tổng	**2.820.830.024**	-	**2.015.925.502**	-

5.9 Chi phí trả trước

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	**890.223.503**	**478.255.625**
Công cụ, dụng cụ	482.673.171	136.424.752
Phí bảo hiểm	41.505.921	51.100.454
Phí sử dụng đường bộ	32.555.074	27.613.913
Chi phí sửa chữa	221.900.953	202.541.672
Chi phí khác	111.588.384	60.574.834
Dài hạn	**32.056.812.787**	**36.864.473.294**
Công cụ, dụng cụ	30.443.887.882	34.754.544.618
Phí kiểm định	1.220.631.311	1.140.471.486
Chi phí sửa chữa	321.233.166	914.606.831
Chi phí khác	71.060.428	54.850.359
Tổng	**32.947.036.290**	**37.342.728.919**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2024	**16.286.587.682**	**45.661.300.196**	**11.345.767.498**	**94.285.714**	**73.387.941.090**
Tăng trong năm	**-**	**46.600.000**	**384.351.200**	**-**	**430.951.200**
Mua trong năm	-	46.600.000	384.351.200	-	430.951.200
Giảm trong năm	**-**	**193.271.181**	**-**	**-**	**193.271.181**
Thanh lý nhượng bán	-	193.271.181	-	-	193.271.181
Số dư tại ngày 31/12/2024	**16.286.587.682**	**45.514.629.015**	**11.730.118.698**	**94.285.714**	**73.625.621.109**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2024	**7.936.133.367**	**28.838.810.250**	**8.837.415.829**	**94.285.714**	**45.706.645.160**
Tăng trong năm	**771.940.539**	**2.494.541.771**	**704.606.566**	**-**	**3.971.088.876**
Khấu hao trong năm	771.940.539	2.494.541.771	704.606.566	-	3.971.088.876
Giảm trong năm	**-**	**125.933.957**	**-**	**-**	**125.933.957**
Thanh lý nhượng bán	-	125.933.957	-	-	125.933.957
Số dư tại ngày 31/12/2024	**8.708.073.906**	**31.207.418.064**	**9.542.022.395**	**94.285.714**	**49.551.800.079**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	**8.350.454.315**	**16.822.489.946**	**2.508.351.669**	**-**	**27.681.295.930**
Tại ngày 31/12/2024	**7.578.513.776**	**14.307.210.951**	**2.188.096.303**	**-**	**24.073.821.030**

Nguyên giá của tài sản cố định các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 với giá trị là 5.770.733.158 VND (tại ngày 01/01/2024 là 3.571.097.854 VND).

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất (i)	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	**4.668.279.000**	**4.668.279.000**
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	**4.668.279.000**	**4.668.279.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2024	**1.591.505.528**	**1.591.505.528**
Tăng trong năm	**100.126.860**	**100.126.860**
Khấu hao trong năm	100.126.860	100.126.860
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	**1.691.632.388**	**1.691.632.388**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2024	**3.076.773.472**	**3.076.773.472**
Tại ngày 31/12/2024	**2.976.646.612**	**2.976.646.612**

(i) Quyền sử dụng đất của Công ty là giá trị của 02 lô đất:

- Quyền sử dụng đất kho Bến Cát tại ấp Lồ Ô, xã An Tây, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương do ông Lê Quý Bình (từng là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty) đứng tên. Giá trị còn lại của lô đất này tại 31/12/2024 là 2.044.086.612 VND. Ông Lê Quý Bình đã ủy quyền cho Công ty được quản lý, sử dụng, cho thuê, thế chấp, bán, chuyển nhượng, tặng cho đối với lô đất trên.

- Quyền sử dụng đất của Công ty tại số 52 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang là tài sản bị tranh chấp giữa bà Châu Mỹ Lang và Công ty, chưa được sang tên chuyển quyền sử dụng đất sang cho Công ty. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 05/3/2012 về việc thu hồi lại Quyền sử dụng đất tại căn nhà trên để chuyển trả cho chủ sở hữu là bà Châu Mỹ Lang. Ngày 25/4/2015, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 487/QĐ-BXD về việc không công nhận Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 05/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 26/3/2021, Văn phòng Chính phủ có công văn số 2056/VPCP-V.I gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại về căn nhà số 54 Lý Thường Kiệt (là số cũ của căn nhà số 52 Lý Thường Kiệt), phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử lý dứt điểm việc tranh chấp và sang tên chuyển quyền sử dụng đất cho Công ty. Nguyên giá của TSCĐ là quyền sử dụng đất của lô đất trên tại ngày 31/12/2024 là 932.560.000 VND (tại ngày 01/01/2024 là 932.560.000 VND) (không thời hạn sử dụng nên Công ty không trích khấu hao).

5.12 Tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Máy móc thiết bị	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2024	**2.591.865.000**	**2.591.865.000**
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2024	**2.591.865.000**	**2.591.865.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2024	**431.977.500**	**431.977.500**
Tăng trong năm	**259.186.500**	**259.186.500**
Khấu hao trong năm	259.186.500	259.186.500
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2024	**691.164.000**	**691.164.000**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2024	**2.159.887.500**	**2.159.887.500**
Tại 31/12/2024	**1.900.701.000**	**1.900.701.000**

5.13 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí lập hồ sơ đất (*)	1.024.062.000	423.500.000
Tổng	**1.024.062.000**	**423.500.000**

(*): Đây là chi phí hoàn thiện pháp lý đất bến cát, Công ty nhận chuyển mục đích sử dụng đất và sang tên từ ông Lê Quý Bình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.14 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	**48.823.907.471**	**48.823.907.471**	**12.486.877.862**	**12.486.877.862**
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Năng lượng Thành phố Hồ Chí Minh	30.504.446.185	30.504.446.185	9.654.196.682	9.654.196.682
Công ty CP Tập Đoàn Dầu Khí Thái Bình Dương	15.386.219.118	15.386.219.118	-	-
Công ty TNHH Kỹ Thuật Cơ Khí Quang Nhật	217.470.000	217.470.000	217.470.000	217.470.000
Các đối tượng khác	2.715.772.168	2.715.772.168	2.615.211.180	2.615.211.180
Dài hạn	**732.059.850**	**732.059.850**	**732.059.850**	**732.059.850**
Công ty TNHH Thiên Mã	732.059.850	732.059.850	732.059.850	732.059.850
Tổng	**49.555.967.321**	**49.555.967.321**	**13.218.937.712**	**13.218.937.712**
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan *(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)*	***31.092.733.526***	***31.092.733.526***	***10.028.143.278***	***10.028.143.278***

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bình Minh	2.023.805.535	-
Công ty Cổ Phần F.A	52.586.995	52.586.995
Cửa hàng LPG Chai Thùy Linh	129.013.564	579.048.060
Công ty TNHH MTV Bảo Liên	501.844.850	813.913.139
Công ty CP Tập Đoàn Năng Lượng Thái Bình Dương	804.699.464	-
Các đối tượng khác	45.867.748	2.295.613.583
Tổng	**3.557.818.156**	**3.741.161.777**
Trong đó, Người mua trả tiền trước là các bên liên quan *(chi tiết xem thuyết minh 7.1)*	***804.699.464***	***4.488.076***

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
Phải nộp	**5.084.294.226**	**4.568.006.005**	**7.613.883.886**	**2.038.416.345**
Thuế GTGT	2.883.658.302	3.228.677.557	5.551.806.500	560.529.359
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.207.435.779	506.554.158	1.352.016.036	361.973.901
Thuế thu nhập cá nhân	60.640.145	769.273.030	646.560.090	183.353.085
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	932.560.000	54.001.260	54.001.260	932.560.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	9.500.000	9.500.000	-
Số thuế còn phải nộp	**5.084.294.226**	**4.568.006.005**	**7.613.883.886**	**2.038.416.345**

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí lãi vay	27.701.080	30.524.093
Các khoản khác	47.293.407	100.024.734
Tổng	**74.994.487**	**130.548.827**

5.18 Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	**7.198.656.638**	**7.027.851.087**
Tài sản thừa chờ giải quyết	343.861	343.861
Kinh phí công đoàn	240.250.523	172.646.523
Phải trả khác	4.846.824.034	2.992.651.845
- Ông Nguyễn Thanh Tùng - Tiền lãi vay	*4.625.490.904*	*2.415.366.307*
- Ông Đặng Trần Hồng Quân - Mượn tài sản	*221.333.130*	*577.285.538*
- Ông Đặng Trần Hồng Quân - Tiền lãi vay		-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.740.000.000
Phải trả các đối tượng khác	2.111.238.220	2.122.208.858
Dài hạn	**4.293.476.798**	**8.381.716.845**
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	5.999.685	24.837.291
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.287.477.113	8.356.879.554
- Công ty TNHH T&T Long An	-	*1.534.308.802*
- Cửa hàng Hướng Dương	-	*626.621.239*
- Các đối tượng khác	*4.287.477.113*	*6.195.949.513*
Tổng	**11.492.133.436**	**15.409.567.932**
Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan *(chi tiết xem thuyết minh 7.1)*	***319.496.418***	***846.942.746***

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2024 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a)Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**20.817.716.660**	**20.817.716.660**	**58.867.716.660**	**60.803.030.840**	**22.753.030.840**	**22.753.030.840**
Vay ngắn hạn ngân hàng	***15.600.000.000***	***15.600.000.000***	***53.650.000.000***	***53.594.280.860***	***15.544.280.860***	***15.544.280.860***
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (1)	15.600.000.000	15.600.000.000	53.650.000.000	53.594.280.860	15.544.280.860	15.544.280.860
Vay ngắn hạn cá nhân	***5.000.000.000***	***5.000.000.000***	***5.000.000.000***	***6.555.600.000***	***6.555.600.000***	***6.555.600.000***
Ông Lương Quốc Nam (2)	-	-	-	1.555.600.000	1.555.600.000	1.555.600.000
Ông Đặng Trần Hồng Quân (3)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	***217.716.660***	***217.716.660***	***217.716.660***	***653.149.980***	***653.149.980***	***653.149.980***
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế CHAILEASE (5)	217.716.660	217.716.660	217.716.660	653.149.980	653.149.980	653.149.980
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**38.822.550.000**	**38.822.550.000**	**-**	**4.367.716.660**	**43.190.266.660**	**43.190.266.660**
Nợ thuê tài chính dài hạn	**-**	**-**	**-**	**217.716.660**	**217.716.660**	**217.716.660**
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế CHAILEASE (5)	-	-	-	217.716.660	217.716.660	217.716.660
Vay dài hạn cá nhân	***38.822.550.000***	***38.822.550.000***	***-***	***4.150.000.000***	***42.972.550.000***	***42.972.550.000***
Ông Nguyễn Thanh Tùng (4)	38.822.550.000	38.822.550.000	-	4.150.000.000	42.972.550.000	42.972.550.000
Tổng	**59.640.266.660**	**59.640.266.660**	**58.867.716.660**	**65.170.747.500**	**65.943.297.500**	**65.943.297.500**
Trong đó, khoản vay các bên liên quan *(Chi tiết xem tại thuyết minh số 7.1)*	***5.000.000.000***	***5.000.000.000***			***6.555.600.000***	***6.555.600.000***

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(1) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 42442/22MN/HĐTD ngày 10/11/2022, mục đích bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp, thời hạn và lãi suất cho vay theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo là:

- Bất động sản tọa lạc tại 35 Đường Bờ Bao Tân Thắng, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh và bất động sản tọa lạc tại 37/1/3 Đường Bờ Bao Tân Thắng, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, cả 2 bất động sản trên đều thuộc sở hữu của Bà Đặng Trần Hồng Liên.

- Bất động sản tọa lạc tại 9/22 Nguyễn Văn Tăng, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh và bất động sản tọa lạc tại 36C Nguyễn Văn Tăng, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh cả 2 bất động sản trên đều thuộc sở hữu của ông Lê Hữu Chí.

(2) Vay ngắn hạn cá nhân Ông Lương Quốc Nam theo Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/VV-VMG-2023 ngày 24/3/2023. Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Thời hạn vay từ ngày 28/3/2023 đến hết ngày 28/5/2024. Lãi xuất cho vay là 12%/năm.

(3) Vay ngắn hạn cá nhân Ông Đặng Trần Hồng Quân theo Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 02/VV-VMG-2023 ngày 28/3/2023. Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Thời hạn vay từ ngày 29/3/2023 đến hết ngày 31/3/2024. Lãi xuất cho vay ban đầu là 16.5%/năm, từ ngày 01/10/2023 là 13,5%

(4) Vay dài hạn cá nhân Ông Nguyễn Thanh Tùng theo các hợp đồng vay vốn kinh doanh số 02/2021/VV-VMG ngày 31/05/2021 và số 05/VV-VMG-2023 ngày 07/08/2023 vào mục đích bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 15%/năm – 15,5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(5) Nợ thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease theo hợp đồng cho thuê tài chính số C220354402 ngày 14/04/2022 để thuê Hệ thống sơn vỏ bình gas, thời hạn thuê là 05 năm. Khoản tiền thuê và tiền lãi thanh toán hàng tháng, lãi suất cho thuê bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi VND áp dụng cho cá nhân có kỳ hạn 13 tháng cộng biên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	**96.000.000.000**	**35.149.050.000**	**2.823.272.048**	**585.631.494**	**(115.431.170.995)**	**19.126.782.547**
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	553.326.451	553.326.451
Số dư tại ngày 31/12/2023	**96.000.000.000**	**35.149.050.000**	**2.823.272.048**	**585.631.494**	**(114.877.844.544)**	**19.680.108.998**
Số dư tại ngày 01/01/2024	**96.000.000.000**	**35.149.050.000**	**2.823.272.048**	**585.631.494**	**(114.877.844.544)**	**19.680.108.998**
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(6.401.386.128)	(6.401.386.128)
Số dư tại ngày 31/12/2024	**96.000.000.000**	**35.149.050.000**	**2.823.272.048**	**585.631.494**	**(121.279.230.672)**	**13.278.722.870**

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
Đối tượng	**Tỷ lệ (%)**	**Số lượng cổ phiếu**	**Giá trị (VND)**	**Tỷ lệ (%)**	**Số lượng cổ phiếu**	**Giá trị (VND)**
Ông Lê Hữu Chí	18,87%	1.811.325	18.113.250.000	18,87%	1.811.325	18.113.250.000
Bà Lê Thị Thanh Tuyền	24,02%	2.306.000	23.060.000.000	24,02%	2.306.000	23.060.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thi	19,25%	1.847.908	18.479.080.000	19,25%	1.847.908	18.479.080.000
Các cổ đông khác	37,86%	3.634.767	36.347.670.000	37,86%	3.634.767	36.347.670.000
Tổng	**100%**	**9.600.000**	**96.000.000.000**	**100%**	**9.600.000**	**96.000.000.000**

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	**96.000.000.000**	**96.000.000.000**
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	**96.000.000.000**	**96.000.000.000**
Cổ tức đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**9.600.000**	**9.600.000**
Cổ phiếu phổ thông	9.600.000	9.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**9.600.000**	**9.600.000**
Cổ phiếu phổ thông	9.600.000	9.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng	630.584.735.224	1.295.652.205.100
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.863.709.930	6.438.627.621
Tổng	**637.448.445.154**	**1.302.090.832.721**
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan *(Chi tiết xem thuyết minh 7.1)*	***235.308.711.520***	***143.735.832.117***

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chiết khấu thương mại	2.967.509.616	4.793.449.148
Giảm giá hàng bán	7.549.556.645	1.695.068.031
Hàng bán bị trả lại	-	194.269.600
Tổng	**10.517.066.261**	**6.682.786.779**
Trong đó, các khoản giảm trừ doanh thu cho các bên liên quan *(Chi tiết xem thuyết minh 7.1)*	***2.299.476.049***	***1.613.822.726***

6.3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng	620.067.668.963	1.288.969.418.321
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.863.709.930	6.438.627.621
Tổng	**626.931.378.893**	**1.295.408.045.942**
Trong đó, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan *(Chi tiết xem thuyết minh 7.1)*	***233.009.235.471***	***142.122.009.391***

6.4 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	579.181.583.260	1.238.679.238.737
Tổng	**579.181.583.260**	**1.238.679.238.737**

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	9.548.737	8.940.282
Lãi tiền cho vay	-	60.499.726
Doanh thu hoạt động tài chính khác	838.542	10.565.626
Tổng	**10.387.279**	**80.005.634**

6.6 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	8.710.308.543	7.392.570.946
Chi phí đi vay khác	507.167.521	849.530.400
Tổng	**9.217.476.064**	**8.242.101.346**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.7 Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	13.067.491.822	10.743.431.716
Chi phí vật liệu, bao bì	10.052.264.017	8.645.987.438
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	171.594.922	156.936.204
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.172.775.276	3.761.304.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.967.605.904	13.360.053.018
Chi phí khác	30.878.699	737.171.486
Tổng	**39.462.610.640**	**37.404.884.192**

6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	5.342.819.026	6.458.680.984
Chi phí đồ dùng văn phòng	16.299.502	37.298.401
Chi phí khấu hao TSCĐ	139.627.896	287.276.641
Thuế, phí và lệ phí	10.784.576	16.901.156
Chi phí dự phòng	-	99.921.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.123.310.501	1.648.200.781
Chi phí khác	89.379.912	96.634.402
Tổng	**6.722.221.413**	**8.644.913.699**

6.9 Lợi nhuận khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác	**3.124.849.022**	**504.129.545**
Doanh thu ký quỹ vỏ bình gas	1.101.748.817	210.341.791
Khác	2.023.100.205	293.787.754
Tổng	**3.124.849.022**	**504.129.545**
Chi phí khác	**1.377.555.676**	**1.164.265.239**
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	324.000.000	444.000.000
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	42.911.733
Chi tiền bảo dưỡng xe	363.000.000	334.500.000
Phạt vi phạm hành chính	327.660.535	141.543.736
Chi phí khác	362.895.141	201.309.770
Tổng	**1.377.555.676**	**1.164.265.239**
Lợi nhuận khác	**1.747.293.346**	**(660.135.694)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**(5.894.831.859)**	**1.856.777.908**
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm	***8.427.603.202***	***5.295.522.638***
Loại chi phí lãi vay giao dịch liên kết theo NĐ132	*7.166.392.988*	*5.161.423.058*
Chi phí không có hóa đơn	*1.004.149.322*	-
Doanh thu ký quỹ vỏ bình	-	*134.099.580*
Chi phí không hợp lý	*257.060.892*	-
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	-	***(392.219.811)***
Chi phí phân bổ vỏ bình	-	*(392.219.811)*
Thu nhập chịu thuế	**2.532.771.343**	**6.760.080.735**
Thu nhập tính thuế	**2.532.771.343**	**6.760.080.735**
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**506.554.269**	**1.352.016.147**

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(6.401.386.128)	553.326.451
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(6.401.386.128)	553.326.451
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	9.600.000	9.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**(667)**	**58**

6.12 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.240.158.441	8.840.222.043
Chi phí nhân công	18.410.310.848	17.202.112.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.312.403.172	4.048.580.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.090.916.405	15.008.253.799
Chi phí khác bằng tiền	131.043.187	950.628.378
Tổng	**46.184.832.053**	**46.049.797.891**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

a. Danh sách các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại Dầu Khí TP. Hồ Chí Minh	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Năng lượng TP. Hồ Chí Minh	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Kho Cảng Vina Benny	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị
Công ty TNHH MTV Dầu khí Đông Sài Gòn	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Năng Lượng Long Yin Long An (*)	Cùng chịu chi phối bởi Ban Kiểm soát
Công ty CP ĐT XNK và Phát Triển Năng Lượng Toàn Cầu	Cùng chịu chi phối bởi Ban Kiểm soát
Công ty TNHH Nguyên Long - Trạm xăng dầu Đông Sài Gòn	Ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Chấn Cường	Tổ chức có liên quan tới Trưởng Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng Thái Bình Dương	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

(*): Công ty Cổ phần Năng lượng Long Yin Long An là bên liên quan tới ngày 29/11/2024, sau ngày này, Công ty Cổ phần Năng lượng Long Yin Long An không còn là bên liên quan của Công ty nữa do không còn chịu chi phối bởi Ban Kiểm soát.

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

b. Thu nhập của Hội đồng Quản trị

Bên liên quan	Chức danh	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Lê Hữu Chí	Chủ tịch	Lương, thưởng và thù lao	812.253.846	831.303.846
Ông Trần Thái Hưng Long	Thành viên	Thù lao	120.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thi	Thành viên	Thù lao	120.000.000	120.000.000
Tổng			**1.052.253.846**	**1.071.303.846**

c. Thu nhập của Ban Kiểm soát

Bên liên quan	Chức danh	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Võ Cao Phong	Trưởng ban	Lương, thưởng và thù lao	680.064.848	539.375.000
Bà Lương Thị Ngọc Bích	Thành viên	Thù lao	77.000.000	84.000.000
Bà Đặng Thị Bích Ngọc	Thành viên	Thù lao và lương thưởng	258.921.204	257.218.164
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	Thù lao và lương thưởng	309.320.001	-
Tổng			**1.325.306.053**	**880.593.164**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

d. Tiền lương và các lợi ích khác của Ban điều hành và Kế toán trưởng - Người được ủy quyền công bố thông tin

Lương, thưởng Ban điều hành, Kế toán trưởng

Bên liên quan	Chức danh	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Trần Minh Hiếu	Nguyên Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	458.753.772	590.074.222
Ông Trần Thái Hưng Long	Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	170.063.909	-
Ông Lương Quốc Nam	Nguyên Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	-	166.944.275
Bà Nguyễn Thị Kim Thi	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	491.511.675	389.760.306
Ông Đặng Trần Hồng Quân	Kế toán trưởng - Người được ủy quyền công bố thông tin	Lương, thưởng	454.497.214	470.898.106
Tổng			**1.574.826.570**	**1.617.676.909**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

e. Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giao dịch mua			**373.621.310.078**	**1.072.619.442.925**
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Năng lượng TP. Hồ Chí Minh	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	Mua LPG	137.547.082.954	134.769.697.053
		Chi phí vận chuyển	1.303.590.606	1.755.702.816
		Thuê xe	109.090.908	71.554.252
Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng Thái Bình Dương	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	Mua LPG	186.732.742.972	-
		Nhượng quyền thương hiệu	255.426.935	-
Công ty Cổ phần Kho Cảng Vina Benny	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	Mua LPG	46.100.013.904	561.411.963.566
		Thuê vận chuyển	-	634.080.613
		Mua vật tư	1.297.840.000	-
Công ty TNHH MTV Dầu khí Đông Sài Gòn	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	Thuê văn phòng	231.818.180	190.909.092
		Thuê vận chuyển	-	43.944.152
Công ty TNHH Nguyên Long - Trạm xăng dầu Đông Sài Gòn	Ảnh hưởng đáng kể	Mua LPG	-	373.741.591.381
Công ty Cổ phần Năng Lượng Long Yin Long An	Cùng chịu chi phối bởi Ban Kiểm soát	Chi phí thuê vận chuyển	43.703.619	-
Giao dịch bán			**235.308.711.520**	**143.735.832.117**
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Năng lượng TP. Hồ Chí Minh	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	Bán LPG	147.307.641.117	127.603.601.902
		Dịch vụ vận chuyển	507.626.515	656.319.633
		Dịch vụ bảo dưỡng chai LPG	2.581.231.000	1.242.885.000
Công ty Cổ phần Kho Cảng Vina Benny	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	Cho thuê kho	1.253.440.952	2.285.080.947
		Xếp dỡ hàng hóa	-	105.498.679
		Thanh lý TSCĐ	53.500.000	-
		Thanh lý vật tư	831.180.208	-
Công ty Cổ phần Năng Lượng Long Yin Long An	Cùng chịu chi phối bởi Ban Kiểm soát	Bán LPG	56.571.125.203	11.427.946.616
		Bảo dưỡng vỏ bình gas	957.975.000	265.140.000
		Cho thuê xe	91.780.000	7.500.000
		Vận chuyển thuê	225.549.096	33.048.739
Công ty TNHH MTV Dầu khí Đông Sài Gòn	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	Bán LPG	19.860.214.534	1.430.803
		Cho thuê xe	-	65.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn năng lượng Thái Bình Dương	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	Bán LPG	4.166.143.810	-
		Bảo dưỡng vỏ bình gas	828.684.000	3.438.335
		Vận chuyển thuê	68.401.903	3.713.402
Công ty TNHH Chấn Cường	Tổ chức có liên quan tới Trưởng Ban Kiểm soát	Bán LPG	4.218.182	35.228.061

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

e. Giao dịch với bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giao dịch khác			**5.892.475.070**	**8.277.819.646**
Ông Lương Quốc Nam	Ảnh hưởng đáng kể	Chi phí khác	-	39.685.284
		Lãi tiền cho vay	-	147.152.265
		Tiền nhận từ đi vay	-	1.755.600.000
		Tiền vay đã trả trong năm	-	200.000.000
Ông Đặng Trần Hồng Quân	Ảnh hưởng đáng kể	Chi phí lãi vay	655.821.918	588.287.670
		Chi phí khác	-	310.441.275
		Tiền thu từ đi vay	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Lê Hữu Chí	Ảnh hưởng đáng kể	Thuê tài sản	236.653.152	236.653.152
Các khoản giảm trừ doanh thu			**2.299.476.049**	**1.613.822.726**
Công ty Cổ phần Năng Lượng Long Yin Long An	Cùng chịu chi phối bởi Ban Kiểm soát	Chiết khấu thương mại	-	209.390.909
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Năng lượng TP. Hồ Chí Minh	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	Chiết khấu thương mại	2.299.476.049	1.404.431.817

f. Số dư phải thu, phải trả các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		**40.447.517.782**	**10.924.449.540**
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Năng lượng Tp. Hồ Chí Minh	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	36.331.215.057	8.799.001.495
Công ty Cổ phần Kho Cảng Vina Benny	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	-	234.834.900
Công ty TNHH MTV Dầu khí Đông Sài Gòn	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	2.635.195.871	1.288.959.884
Công ty Cổ phần Năng Lượng Long Yin Long An	Cùng chịu chi phối bởi Ban Kiểm soát	1.481.106.854	601.653.261
Phải trả người bán ngắn hạn		**31.092.733.526**	**10.028.143.278**
Công ty TNHH Thương mại Dầu Khí TPHCM		-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Năng lượng Tp. Hồ Chí Minh	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	30.504.446.185	9.654.196.682
Công ty TNHH MTV Dầu khí Đông Sài Gòn	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	588.287.341	368.287.341
Công ty TNHH Nguyên Long - Trạm xăng dầu Đông Sài Gòn	Ảnh hưởng đáng kể	-	5.659.255
Trả trước cho người bán ngắn hạn		**6.283.994.113**	**8.001.234.931**
Công ty Cổ phần Kho Cảng Vina Benny	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	-	8.001.234.931
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng Lượng Thái Bình Dương	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	6.283.994.113	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

f. Số dư phải thu, phải trả các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		**804.699.464**	**4.488.076**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng Lượng Thái Bình Dương	Cùng chịu chi phối bởi Hội đồng Quản trị	804.699.464	-
Công ty TNHH Chấn Cường	Tổ chức có liên quan tới Trưởng BKS	-	4.488.076
Phải trả khác ngắn hạn		**319.496.418**	**846.942.746**
Ông Lê Hữu Chí	Ảnh hưởng đáng kể	98.163.288	269.657.208
Ông Đặng Trần Hồng Quân	Ảnh hưởng đáng kể	221.333.130	577.285.538
Ông Lương Quốc Nam	Ảnh hưởng đáng kể	-	31.630.538
Phải thu khác ngắn hạn		**1.079.526.006**	**1.079.526.006**
Công ty CP XNK và Phát triển năng lượng Toàn Cầu	Cùng chịu chi phối bởi Ban Kiểm soát	900.000.000	900.000.000
Ông Lương Quốc Nam	Ảnh hưởng đáng kể	179.526.006	179.526.006
Vay		**5.000.000.000**	**6.555.600.000**
Ông Đặng Trần Hồng Quân	Ảnh hưởng đáng kể	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Lương Quốc Nam	Ảnh hưởng đáng kể	-	1.555.600.000

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Mỹ Trang	Đặng Trần Hồng Quân	Trần Thái Hưng Long

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

CÔNG TY CP TM & DV DẦU KHÍ VŨNG TÀU VIMEXCO GAS	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....***.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03 /TTr-BKS/2025	.....***.....
	TP. HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

"V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025"

Kính gửi: **Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025**

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Điều lệ Công ty CP TM & DV Dầu Khí Vũng Tàu thông qua ngày 29/11/2024.*

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan, Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu đưa ra tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán như sau:

- Là Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Có kinh nghiệm kiểm toán cho các công ty, tập đoàn lớn trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, tài chính, đầu tư xây dựng và kinh doanh khí hóa lỏng LPG;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và nhiều kinh nghiệm;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét các văn bản chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

Dựa vào các tiêu chí trên, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán sau làm đơn vị kiểm toán cho Công ty trong năm tài chính 2025.

1. Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam

Kính trình Đại hội cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng ./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Võ Cao Phong

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *HĐQT, BKS;*
- *Lưu HĐQT.*

CÔNG TY CP TM & DV DẦU KHÍ VŨNG TÀU VIMEXCO GAS	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
……***……	……***……
Số: 04 /TTr-HĐQT/2025	TP. HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

"V/v: Cập nhật, sửa đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ "

Kính gửi: **Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025**

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Điều lệ Công ty CP TM&DV Dầu Khí Vũng Tàu thông qua ngày 29/11/2024;*
- *Tình hình hoạt động thực tế của Công ty.*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua nội dung cập nhật, sửa đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty để phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của công ty như sau:

1. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG)	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG) (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).	4661

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đăng ký	Mã ngành
1	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ khách sạn và du lịch	5510

2	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; Giám định, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa; Kiểm định phương tiện đo lường	7120

3. Thông qua việc cập nhật, sửa đổi ngành, nghề kinh doanh tại khoản 1 Điều 4 Ngành nghề kinh doanh của Công ty tại Điều lệ Công ty hiện hành.

4. Giao cho Hội đồng quản trị chủ động thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi ngành nghề kinh doanh tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bao gồm cả việc điều chỉnh nội dung chi tiết trong phạm vi các mã ngành, nghề đã được ĐHĐCĐ thông qua tại tờ trình này.

Kính trình Đại hội cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Lê Hữu Chí

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu HĐQT.

CÔNG TY CP TM & DV DẦU KHÍ VŨNG TÀU VIMEXCO GAS	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
……..***…….	…….***…….
Số: 05 /TTr-HĐQT/2025	TP. HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2025

TỜ TRÌNH

"V/v: Thực hiện giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan"

Kính gửi: **Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025**

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu thông qua ngày 29/11/2024;*

Nhằm tuân thủ quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp về việc chấp thuận hợp đồng và giao dịch với người có liên quan, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Chấp thuận toàn bộ các Hợp đồng giao dịch giữa Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu với các bên liên quan như sau:

STT	Tên tổ chức	Mối quan hệ với Công ty	Số ĐKKD	Nội dung, tổng giá trị giao dịch ước tính
1	Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Năng Lượng Thành phố Hồ Chí Minh	Đại diện theo pháp luật của Tổ chức là người có liên quan của Ông Lê Hữu Chí - Chủ tịch HĐQT	0317335894	Bán khí hóa lỏng LPG: 120.000.000.000 đồng Bảo dưỡng vỏ bình gas: 1.200.000.000 đồng Thuê vận chuyển: 3.000.000.000 đồng
2	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Năng Lượng Thái Bình Dương	Đại diện theo pháp luật của Tổ chức là người có liên quan của Ông Lê Hữu Chí - Chủ tịch HĐQT	0317328336	Bán khí hóa lỏng LPG: 100.000.000.000 đồng Bảo dưỡng vỏ bình gas: 1.000.000.000 đồng Thuê vận chuyển: 2.100.000.000 đồng

2. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc ký kết các hợp đồng nêu trên với những điều khoản, điều kiện cụ thể, bao gồm các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt (nếu có).

Kính trình Đại hội cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Lê Hữu Chí

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *HĐQT, BKS;*
- *Lưu HĐQT.*

CÔNG TY CP TM & DV DẦU KHÍ VŨNG TÀU VIMEXCO GAS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
……..***……..	……....***.....
Số: 01/BC-ĐHĐCĐ/2025	*TP.HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2025.*

BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

I. BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SX-KD NĂM 2024:

1. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024:

a. Công tác sản xuất kinh doanh:

Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2024:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2024	THỰC HIỆN 2024	TỶ LỆ
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	**79.000**	**31.547**	**39,9%**
1.1	*Gas Dân Dụng*	*Tấn*	*18.500*	*17.614*	*95,2%*
1.2	*Gas Công Nghiệp*	*Tấn*	*60.500*	*13.934*	*23,0%*
2	Doanh thu kinh doanh LPG	Tỷ đồng	**1.314**	**620**	**47,2%**
3	Doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	**7,0**	**6,9**	**98,6%**
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	**3,7**	**(5,9)**	**(159)%**

b. Đánh giá thực hiện năm 2024:

- Năm 2024, tình hình thế giới có nhiều biến động, giá LPG diễn biến thay đổi khó lường. Từ tháng 4/2024, giá CP *(Contract Price)* giảm liên tục ảnh hưởng tiêu cực sản lượng và hiệu quả kinh doanh
- 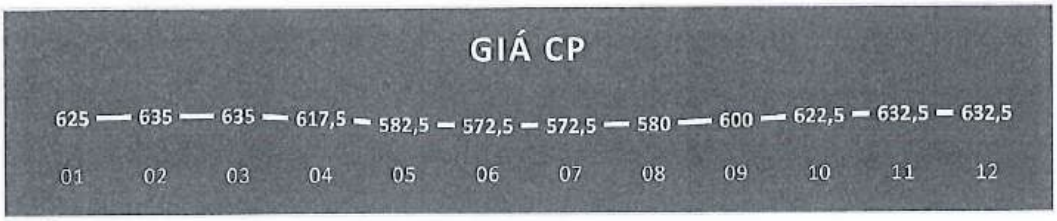

  nước, chính sách tiền tệ thắt chặt, tỷ giá tăng mạnh, giá mua vào tăng theo tỷ giá nhưng bán ra không kịp điều chỉnh tăng làm ảnh hưởng đến giá vốn và giá bán kéo theo giảm lãi gộp bình quân cho mỗi bình LPG.
- Chi phí tài chính quá lớn **(9.2 tỷ)**, chiếm khoảng 17% trong tổng chi phí
- Kết thúc năm 2024, sản lượng công ty chỉ đạt #**31.547 tấn** đạt **39,9%** kế hoạch 2024, doanh thu kinh doanh LPG thuần đạt **620 tỷ đồng** hoàn thành **47,2%** kế

hoạch 2024, doanh thu về dịch vụ đạt **#6,9 tỷ đồng** hoàn thành **98,6%** kế hoạch, lỗ**5,9 tỷ đồng**.

- Tất cả các hệ thống (kho lưu trữ, trạm chiết nạp, PCCC, đường ống, xe bồn…) của Vimexco Gas được vận hành an toàn, hiệu quả. Công tác sữa chữa, bảo dưỡng, kiểm định hiệu chuẩn triển khai theo đúng kế hoạch quy trình, chất lượng, đáp ứng kịp thời nhu cầu của Công ty và đối tác.
- Trong năm 2024 Vimexco Gas cũng vinh dự được người tiêu dùng bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao, là năm thứ 3 liên tiếp được người tiêu dùng bình chọn, đây cũng là tín hiệu tốt cho việc quảng bá hình ảnh thương hiệu Vimexco Gas và cam kết chất lượng đến người tiêu dùng.

2. BÁO CÁO TÓM TẮT TÀI CHÍNH 2024

2.1 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**78.509.555.250**	**54.208.067.510**
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**3.094.956.546**	**6.161.583.470**
1. Tiền	111		3.094.956.546	6.161.583.470
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5.2**	**1.122.826**	**1.088.606**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.122.826	1.088.606
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**71.544.348.202**	**45.393.140.158**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	96.820.611.618	66.892.956.303
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	9.011.768.064	12.237.610.335
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	4.557.318.260	5.107.923.260
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(39.013.558.166)	(39.013.558.166)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	168.208.426	168.208.426
IV- Hàng tồn kho	**140**	**5.8**	**2.820.830.024**	**2.015.925.502**
1. Hàng tồn kho	141		2.820.830.024	2.015.925.502
V- Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.048.297.652**	**636.329.774**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	890.223.503	478.255.625
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		158.074.149	158.074.149
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	**200**		**62.812.111.508**	**71.210.042.055**
I Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**780.068.079**	**1.004.111.859**
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	780.068.079	1.004.111.859
II Tài sản cố định	**220**		**28.951.168.642**	**32.917.956.902**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	24.073.821.030	27.681.295.930
- *Nguyên giá*	*222*		*73.625.621.109*	*73.387.941.090*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(49.551.800.079)*	*(45.706.645.160)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.12	1.900.701.000	2.159.887.500
- *Nguyên giá*	*225*		*2.591.865.000*	*2.591.865.000*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		*(691.164.000)*	*(431.977.500)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	2.976.646.612	3.076.773.472
- *Nguyên giá*	*228*		*4.668.279.000*	*4.668.279.000*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(1.691.632.388)*	*(1.591.505.528)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**1.024.062.000**	**423.500.000**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	1.024.062.000	423.500.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**-**	**-**
VI Tài sản dài hạn khác	**260**		**32.056.812.787**	**36.864.473.294**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	32.056.812.787	36.864.473.294
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**141.321.666.758**	**125.418.109.565**

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	**300**		**128.042.943.888**	**105.738.000.567**
I- Nợ ngắn hạn	**310**		**84.194.857.240**	**53.433.957.212**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	48.823.907.471	12.486.877.862
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	3.557.818.156	3.741.161.777
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	2.038.416.345	5.084.294.226
4. Phải trả người lao động	314		1.683.135.015	2.209.980.125
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	74.994.487	130.548.827
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	7.198.656.638	7.027.851.087
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	20.817.716.660	22.753.030.840
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		212.468	212.468
II- Nợ dài hạn	**330**		**43.848.086.648**	**52.304.043.355**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.14	732.059.850	732.059.850
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		5.999.685	24.837.291
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	4.287.477.113	8.356.879.554
4. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.19	38.822.550.000	43.190.266.660
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	**400**		**13.278.722.870**	**19.680.108.998**
I- Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.20**	**13.278.722.870**	**19.680.108.998**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		96.000.000.000	96.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*96.000.000.000*	*96.000.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		35.149.050.000	35.149.050.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.823.272.048	2.823.272.048
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		585.631.494	585.631.494
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(121.279.230.672)	(114.877.844.544)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	*421a*		*(114.877.844.544)*	*(115.431.170.995)*
- LNST chưa phân phối kì này	*421b*		*(6.401.386.128)*	*553.326.451*
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**141.321.666.758**	**125.418.109.565**

2.2 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**6.1**	**637.448.445.154**	**1.302.090.832.721**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	10.517.066.261	6.682.786.779
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	**10**	**6.3**	**626.931.378.893**	**1.295.408.045.942**
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	579.181.583.260	1.238.679.238.737
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	**20**		**47.749.795.633**	**56.728.807.205**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	10.387.279	80.005.634
7. Chi phí tài chính	22	6.6	9.217.476.064	8.242.101.346
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*	*6.6*	*8.710.308.543*	*7.392.570.946*
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	39.462.610.640	37.404.884.192
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	6.722.221.413	8.644.913.699
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**(7.642.125.205)**	**2.516.913.602**
11. Thu nhập khác	31	6.9	3.124.849.022	504.129.545
12. Chi phí khác	32	6.9	1.377.555.676	1.164.265.239
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	**40**	**6.9**	**1.747.293.346**	**(660.135.694)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	**50**		**(5.894.831.859)**	**1.856.777.908**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	506.554.269	1.352.016.147
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(48.564.690)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	**60**		**(6.401.386.128)**	**553.326.451**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**6.11**	**(667)**	**58**

3. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN 2024

Công ty không hoàn thành kế hoạch sản lượng và lợi nhuận đề ra, khi sản lượng tiêu thụ thực hiện **31.547 tấn,** đạt **39,9%**. Qua phân tích, những nguyên nhân ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ giảm sút.

- Đối với gas dân dụng (gas bình): Sản lượng **17.614 tấn** đạt **95,2%**
- Đối với gas bồn: Sản lượng **13.934 tấn** đạt **23,0%**, nguyên nhân giá CP biến động khó đoán, tín dụng khó tiếp cận nên chủ động giảm kinh doanh gas bồn.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

1. Đánh giá thực trạng công ty.

a/ Điểm mạnh:

- Đã có cơ sở vật chất đầy đủ khang trang, dàn cân chiết nạp Carosel đạt tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa được kiểm soát đúng đủ, an toàn, sơn sửa bảo dưỡng vỏ bình kịp thời và sạch đẹp.
- Hệ thống cầu cảng,kho, bồn chứa có sức chứa lớn, đảm bảo nguồn hàng dự trữ ổn định cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh.
- Thương hiệu Vimexco Gas đã định hình và ổn định tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Long An và các tỉnh Miền Tây Nam Bộ. Ba năm liền được người tiêu dùng bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao.
- Đội ngũ Cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp, nắm rõ thị trường, có nhiều kinh nghiệm hiểu biết chuyên sâu về ngành LPG và tận tâm.

b/ Điểm yếu:

- Nguồn lực tài chính đang thâm hụt nghiêm trọng, kinh doanh hoàn toàn trên tiền vay ngân hàng và cá nhân. Do vậy, tình hình sản xuất kinh doanh đã và đang gặp nhiều khó khăn khi không duy trì được nguồn tài trợ tín dụng.
- Khó kiểm soát được nạn gian lận thương mại, chiếm dụng vỏ bình, bơm chiết hàng lậu, hàng kém chất lượng ngoài thị trường.
- Nguồn vỏ bị thiếu hụt do không đủ nguồn lực để đầu tư thêm vỏ bình để tăng luân chuyển tồn kho nên không cung cấp đủ cho khách hàng, vì vậy sản lượng tiêu thụ không tăng nhiều, khó đẩy mạnh được phát triển khách hàng mới.
- Chưa có nguồn kinh phí để nâng cấp đội xe vận chuyển đã qua nhiều năm sử dụng, thường xuyên hư hỏng làm tăng chi phí tài chính.

2. Kế hoạch 2025:

a. Kế hoạch kinh doanh:

Trên cơ sở SXKD năm 2024, năng lực SXKD, nhu cầu tiêu thụ của Khách hàng và nhu cầu vốn, Công ty xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2025 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Tỷ lệ
1	**Sản lượng tiêu thụ**	**Tấn**	**31.547**	**17.500**	**55,5%**
1.1	*Gas dân dụng*	*Tấn*	*17.614*	*17.500*	*99,4%*
1.2	*Gas bồn công nghiệp*	*Tấn*	*13.934*	*0*	*0%*
2	**Doanh thu kinh doanh LPG*(*)***	**Tỷ đồng**	**620**	**394**	**63,5%**
3	**Doanh thu khác**	**Tỷ đồng**	**6,9**	**7**	**101%**
4	**Lợi nhuận sau thuế**	**Tỷ đồng**	**(6,4)**	**4,8**	**175%**

Ghi chú: (*)Tùy thuộc vào giá CP (Contract Price)hàng tháng

b. Kế hoạch đầu tư:

STT	Nội dung	Số tiền (tr.đ)	Trong đó	
			Vốn CSH	Vốn vay + Khác
01	02 xe tải 2,5 tấn	1.000	300	700
02	15.000 vỏ bình 12kg	6.000	2.850	3.150
03	1.000 vỏ bình 45kg	1.300	500	800
Tổng		**8.300**	**3.650**	**4.650**

Hiện nay, số lượng xe tải đã sử dụng nhiều năm, xuống cấp và thường xuyên hư hỏng, tăng chi phí sửa chữa. Nguồn vỏ bình đã nhiều năm không được đầu tư mở rộng, nâng cấp nên tình trạng thiếu xe vận chuyển, thiếu vỏ bình thường xuyên xảy ra, cho nên khó phát triển được sản lượng và khách hàng mới. Trên cơ sở năng lực hiện có trong năm 2025 Công ty cũng có kế hoạch đầu tư thêm 02 xe tải mới và 16.000 vỏ bình mới để phục vụ công tác phát triển thị trường, tăng sản lượng.

c. Kế hoạch huy động vốn 2025:

- Hội đồng quản trị đã nhất trí huy động nguồn vốn bằng cách phát hành 10 triệu cổ phiếu và giao Ban Tổng giám đốc tìm kiếm và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo Nghị quyết 01/NQ-HĐQT ngày 03/03/2025.
- Thanh lý tài sản cố định: Quyền sử dụng đất và nhà số 110A Hoàng Hoa Thám, phường 7, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

3. Giải pháp thực hiện kế hoạch.

- Tập trung huy động vốn: tìm kiếm và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược để phát hành 10 triệu cổ phiếu, thanh lý TSCĐ.
- Giảm tối đa các khoản vay.
- Tập trung củng cố và xây dựng hệ thống bán hàng Tổng đại lý/ Đại lý, phát triển thị trường đang có: Bình Dương, TP.HCM, Bà Rịa-Vũng Tàu, Đồng Nai, Long An và Mêkông.
- Tăng cường tuyển dụng đội ngũ quản lý, kinh doanh chất lượng cao để phối hợp cùng những nhân sự chủ chốt lâu năm nhiều kinh nghiệm để đưa công ty phát triển bền vững.
- Tiếp tục tìm kiếm mở rộng phát triển các dịch vụ mới trên cơ sở tận dụng nguồn nhân lực và cở sở vật chất thế mạnh của Công ty nhằm mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.
- Thương hiệu VIMEXCOGAS®tiếp tục đạt được Chứng nhận hàng Việt Nam Chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn năm 2024.
- Phát triển sản lượng vào các thị trường tiềm năng, kiểm soát tốt vòng quay vỏ, tổ chức giám sát thị trường và luân chuyển vỏ bình nhằm ngăn chặn giảm thiểu tình trạng chiết nạp lậu.
- Phân khúc thị trường ít cạnh tranh về giá: Tăng giá bán hàng + chăm sóc dịch vụ bán hàng tốt để tăng doanh thu và lợi nhuận bán hàng.

- Kiểm soát và tối ưu các chi phí: Rà soát, tiết giảm chi phí quản lý, chi phí chiết nạp, chi phí sơn sửa vỏ bình…
- Đẩy mạnh việc khai thác kho chứa LPG CN Gò Dầu bằng việc đẩy mạnh bán hàng khu vực Đồng Nai, BR-VT, Bình Thuận.
- Tiếp tục đầu tư chai LPG với lượng vừa đủ khả năng phát triển sản lượng bền vững.
- Hoàn thành thủ tục pháp lý cho tài sản: Quyền sử dụng đất và nhà ở tại số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;Quyền sử dụng đất tại Ấp Lồ Ồ, xã An Tây, thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương để giảm vốn vay tăng lợi nhuận bán hàng, tạo thêm nguồn vốn nhập hàng.
- Phát hành được chứng thư bảo lãnh thanh toán cho nhà cung cấp, tránh áp lực thanh toán trước khi nhận hàng.
- Tăng cường công tác kiểm tra/kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ. Tăng cường đẩy nhanh thu hồi công nợ, đảm bảo không để phát sinh nợ khó đòi. Tiếp tục giải quyết các thủ tục pháp lý để thu hồi các khoản nợ khó đòi của khách hàng.

III. KẾT LUẬN

- Với việc nhận định trước được những khó khăn, tận dụng được những lợi thế hiện có, giá LPG tăng, tập thể BLĐ Vimexco Gas và toàn thể nhân viên đã đoàn kết, nhiệt huyết, và tận tâm trong công việc để mang lại hiệu quả trong công tác kinh doanh.
- Tất cả các công trình, kho bãi, trạm chiết đều hoạt động an toàn và hiệu quả, cung cấp chai LPG liên tục, không gián đoạn. Công tác sữa chữa, bảo dưỡng bảo trì diễn ra đúng quy trình, chất lượng.
- Trên đây là báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Thương Mại và Dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu (Vimexco Gas).

Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Trần Thái Hưng Long

CÔNG TY CP TM & DV DẦU KHÍ VŨNG TÀU VIMEXCO GAS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
……***……	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
	……***……
Số: 02 /BC-ĐHĐCĐ/2025	*TP.HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2025*

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Nhân sự, thù lao và hoạt động của HĐQT

1.1 Nhân sự HĐQT

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu năm 2024 gồm có 3 thành viên như sau:

- Ông Lê Hữu Chí : Chủ tịch
- Ông Trần Thái Hưng Long : thành viên
- Bà Nguyễn Thị Kim Thi : thành viên

1.2 Hoạt động của HĐQT năm 2024:

- HĐQT thường xuyên theo sát mọi hoạt động của Công ty, đưa ra giải pháp kịp thời để giải quyết những khó khăn, vướng mắc … giúp cho hoạt động Công ty được xuyên suốt.
- HĐQT thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Phối hợp với Ban Tổng giám đốc kịp thời có các biện pháp điều chỉnh hoạt động kinh doanh, hoàn thiện về mặt quản lý trong công tác quản trị doanh nghiệp.
- Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, ban hành 17 nghị quyết/quyết định như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung
1.	01/NQ-HĐQT/2024	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024
2.	02/NQ-HĐQT/2024	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường 2024
3.	03/NQ-HĐQT/2024	Triển khai lập Kế hoạch kinh doanh năm 2025, định hướng đến năm 2029
4.	04/NQ-HĐQT/2024	Đầu tư mua xe tải
5.	01/QĐ-HĐQT/2024	Chi thưởng tháng 13 năm 2023
6.	02/QĐ-HĐQT/2024	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc
7.	03/QĐ-HĐQT/2024	Ban hành Quy chế công bố thông tin
8.	04/QĐ-HĐQT/2024	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty
9.	05/QĐ-HĐQT/2024	Miễn nhiệm Tổng giám đốc
10.	06/QĐ-HĐQT/2024	Bổ nhiệm Tổng giám đốc
11.	07/QĐ-HĐQT/2024	Chấm dứt Hợp đồng lao động Tổng giám đốc
12.	08/QĐ-HĐQT/2024	Miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc

13.	09/QĐ-HĐQT/2024	Miễn nhiệm và chấm dứt HĐLĐ Giám đốc kinh doanh
14.	10/QĐ-HĐQT/2024	Miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc
15.	11/QĐ-HĐQT/2024	Miễn nhiệm Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai
16.	12/QĐ-HĐQT/2024	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai
17.	13/QĐ-HĐQT/2024	Tiếp nhận và bổ nhiệm Giám đốc kinh doanh

1.3 Về thù lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của HĐQT trong năm 2024

- Đối với thành viên HĐQT không chuyên trách tại Công ty được hưởng thù lao theo nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua như sau:
  + Chủ tịch: 13.000.000 đồng /tháng
  + Thành viên: 10.000.000 đồng/người/tháng
- Đối với thành viên HĐQT chuyên trách hoặc kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy tổ chức tại Công ty: được hưởng lương, thưởng theo quy chế, quy định của Công ty.

Tổng các khoản Lương, thưởng, thù lao và lợi ích khác của HĐQT trong năm 2024 là 1.950.482.582 đồng, chi tiết được thể hiện và công bố trong báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

2. Báo cáo về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường năm 2024

- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	% hoàn thành
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	79.000	31.548	40
1.1	Gas dân dụng	Tấn	18.500	17.614	95
1.2	Gas bồn công nghiệp	Tấn	60.500	13.934	23
2	Doanh thu kinh doanh LPG	Tỷ đồng	1.314	620	47
3	Doanh thu khác	Tỷ đồng	7	6,9	99
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,7	(5,9)	(159)

- Báo cáo giao dịch giữa Công ty với tổ chức có liên quan đến thành viên Ban kiểm soát

STT	Tên công ty	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Năng Lượng Long Yin Long An	Tổ chức liên quan đến thành viên BKS, không còn là bên liên quan từ ngày 29/11/2024	Bán LPG: 56 tỷ đồng. Bảo dưỡng vỏ bình: 957 triệu đồng. Vận chuyển thuê: 225 triệu đồng. Cho thuê xe: 91 triệu đồng. Thuê vận chuyển: 43 triệu đồng.
2	Công ty TNHH Chấn Cường	Tổ chức liên quan đến Trưởng BKS	Bán LPG: 4,2 triệu đồng.

- Báo cáo giao dịch giữa Công ty với tổ chức có liên quan đến thành viên HĐQT:

STT	Tên công ty	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần XNK Năng Lượng Thành phố Hồ Chí Minh	Tổ chức có liên quan đến Chủ tịch HĐQT	Bán LPG: 147 tỷ đồng. Bảo dưỡng vỏ bình; 2,58 tỷ đồng. Vận chuyển thuê: 507 triệu đồng. Mua LPG: 137 tỷ đồng. Thuê xe: 109 triệu đồng. Thuê vận chuyển: 1,3 triệu đồng.
2	Công ty Cổ phần Kho Cảng Vina Benny	Tổ chức có liên quan đến Chủ tịch HĐQT	Cho thuê kho chứa LPG: 1,25 tỷ đồng. Thanh lý TSCĐ: 53,5 triệu đồng. Thanh lý vật tư: 831 triệu đồng. Mua LPG: 46,1 tỷ đồng. Mua nguyên vật liệu: 1,29 tỷ đồng.
3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng Lượng Thái Bình Dương	Tổ chức có liên quan đến Chủ tịch HĐQT	Vận chuyển thuê: 68 triệu đồng. Bảo dưỡng vỏ bình: 828 triệu đồng. Bán LPG: 4,16 triệu đồng. Mua LPG: 186 tỷ đồng. Nhượng quyền thương hiệu: 255 triệu đồng.
4	Công ty TNHH MTV Dầu Khí Đông Sài Gòn	Tổ chức có liên quan đến Chủ tịch HĐQT	Bán LPG: 19,8 tỷ đồng. Thuê văn phòng: 231 triệu đồng.

- Giao dịch giữa Công ty với tổ chức có liên quan đến Cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần của Công ty: không có giao dịch trong năm 2024
- Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024: Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam
- Chủ trương phát hành cổ phiếu riêng lẻ: Công ty đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần chứng khoán FPT để thực hiện tư vấn phát hành cổ phiếu riêng lẻ.
- Thanh lý tài sản cố định (chuyển nhượng toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của công ty tại địa chỉ số 110A Hoàng Hoa Thám, phường 7, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh): đang triển khai thực hiện.
- Nhượng bán toàn bộ tài sản tại Chi nhánh Đồng Nai: không thực hiện được do không tìm được đối tác phù hợp.
- Góp vốn, mua, bán cổ phần các doanh nghiệp: không thực hiện do không tìm được đối tác phù hợp.
- Thay đổi ngành nghề kinh doanh: Công ty đã nộp hồ sơ thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và được cấp giấy xác nhận ngày 16/12/2024.

3. Báo cáo tình hình quản trị Công ty

Báo cáo tình hình quản trị 6 tháng và năm 2024 của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu được công bố thông tin đầy đủ và đúng thời hạn quy định.

4. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc

- Ban Tổng giám đốc đã cố gắng thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của công ty với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện hầu hết các mục tiêu, chiến lược Hội đồng quản trị đã đề ra.
- Ban Tổng giám đốc thực hiện chức năng nhiệm vụ đúng với thẩm quyền được phân cấp. Tổng hợp, báo cáo đầy đủ, chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị. Đối với các vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền quyết định, Tổng giám đốc kịp thời xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị để có hướng giải quyết.
- Thường xuyên tổ chức họp với các bộ phận để chấn chỉnh những tồn tại và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công việc.
- Cung cấp đầy đủ số liệu, tài liệu, luôn tạo điều kiện cho công tác giám sát của Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị.
- Ban Tổng giám đốc luôn chú trọng và giữ vững hình ảnh, chất lượng sản phẩm thương hiệu VIMEXCO GAS, năm 2024 là năm thứ 3 liên tiếp VIMEXCO GAS đạt được danh hiệu "Hàng Việt Nam chất lượng cao" do người tiêu dùng bình chọn.

5. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2025:

- Chỉ đạo việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường theo quy định, xin ý kiến Đại hội thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- Tăng cường chỉ đạo, tập trung định hướng các nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ giao phó trong năm 2025
- Tổ chức thực hiện các nội dung được ĐHĐCĐ ủy quyền (nếu có).
- Thường xuyên tổ chức các cuộc họp để xử lý công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, tham gia các cuộc họp của Ban điều hành để kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong công việc.
- Tập trung chỉ đạo, giám sát chặt chẽ và kịp thời chấn chỉnh các hoạt động của Ban điều hành.
- Đôn đốc, giám sát Ban điều hành triển khai các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của Hội đồng quản trị, đặc biệt là trong việc triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2025.
- Rà soát, cập nhật các văn bản thuộc hệ thống quản trị của của Công ty để tăng cường hiệu quả công tác quản trị, phù hợp với những thay đổi của pháp luật.
- Chỉ đạo, giám sát thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý đối với những tài sản của Công ty tại Vũng Tàu và Bình Dương.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch hoạt động trong năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Hữu Chí

CÔNG TY CP TM & DV DẦU KHÍ VŨNG TÀU VIMEXCO GAS ……..***……..	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ……..***……
Số: 03/BC-ĐHĐCĐ/2025	*TP.HCM, ngày 08 tháng 04 năm 2025*

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CPTM và DV Dầu Khí Vũng Tàu (VMG)

Ban Kiểm Soát (BKS) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động, kiểm tra, giám sát năm 2024 và kế hoạch hoạt động của BKS năm 2025 như sau:

PHẦN I

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG, KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2024

1. Nhân sự của BKS

Ban kiểm soát Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu trong năm 2024 gồm có 3 thành viên như sau:

- Ông Võ Cao Phong: Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Đặng Thị Bích Ngọc: Thành viên
- Bà Lương Thị Ngọc Bích: Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/11/2024)
- Ông Nguyễn Hoàng Nam: Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/11/2024)

2. Hoạt động của BKS:

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của BKS theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ phần TM và DV Dầu Khí Vũng Tàu; Căn cứ kế hoạch kiểm tra, giám sát của BKS đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua, BKS đã triển khai hai (02) cuộc họp và thực hiện các nội dung công việc chủ yếu sau:

Trưởng BKS chịu trách nhiệm chung các hoạt động của BKS, thay mặt BKS ký ban hành các quyết định, văn bản của BKS; Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng quý/năm của BKS; Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, chiến lược kinh doanh của VMG, công tác lập kế hoạch hàng năm; Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc VMG; Giám sát hoạt động kinh doanh của VMG; Thẩm định kế hoạch kinh doanh, lập báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính, báo cáo phân tích kế toán quản trị và một số báo cáo khác.

Giám sát công tác kế toán, đổi mới doanh nghiệp tại VMG

Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được Đại hội cổ đông phê duyệt; Thẩm định các chỉ tiêu kinh doanh để đánh giá hiệu quả hoạt động; Hỗ trợ BKS cập nhật các thông tin về tình hình tài chính, kinh doanh.

BKS đã nghiêm túc thực hiện theo các nội dung trong Kế hoạch hoạt động năm 2024 của BKS đã được ĐHĐCĐ thông qua; Bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ VMG; Duy trì mối quan hệ công tác và hợp tác/phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc. Các Thành viên BKS làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng, luôn vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của VMG.

Lương, thù lao và chi phí hoạt động của BKS:

Tổng các khoản lương, thưởng thù lao của BKS trong năm 2024 là 1.325.306.053 đồng. Trong đó:

+ Đối với thành viên BKS không chuyên trách tại Công ty được hưởng thù lao theo nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua (Trưởng Ban: 10.000.000 đồng/tháng; Thành viên: 7.000.000 đồng/người/tháng).

+ Đối với thành viên BKS chuyên trách hoặc kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy tổ chức tại Công ty: được hưởng thù lao, lương, thưởng theo quy chế, quy định của Công ty.

Chi tiết về lương, thù lao của từng thành viên BKS năm 2024 được thể hiện và công bố trong báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

3. Kết quả giám sát tình hoạt động và tài chính của VMG năm 2024:

- Kết quả kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023	% Tăng/giảm
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	31.548	77.925	- 60%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	627	1.295	- 52%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(5,9)	1,8	- 528%

- BKS đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của VMG năm tài chính 2024 và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

  + Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của VMG. Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

  + Báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2024.

  + Báo cáo tài chính năm 2024 đã được thực hiện kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam.

  + Trong năm 2024, VMG đã giữ được hoạt động liên tục, thực hiện đúng chế độ quản lý vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định; Trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định.

4. Báo cáo đánh giá về các giao dịch với các bên liên quan

- Trong năm 2024 không phát sinh các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất.
- Phát sinh giao dịch giữa VMG với Công ty liên quan đến người có liên quan của Chủ tịch HĐQT:
  + Công ty Cổ phần XNK Năng Lượng Thành phố Hồ Chí Minh: Hợp đồng Mua LPG, Bán LPG; Bảo dưỡng vỏ bình; Vận chuyển thuê;Thuê xe;Thuê vận chuyển.
  + Công ty Cổ phần Kho Cảng Vina Benny: Hợp đồng Mua LPG; Cho thuê kho chứa LPG; Thanh lý TSCĐ; Thanh lý vật tư; Mua nguyên vật liệu.
  + Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng Lượng Thái Bình Dương: Hợp đồng Mua LPG, Bán LPG; Vận chuyển thuê; Bảo dưỡng vỏ bình; Nhượng quyền thương hiệu.
  + Công ty TNHH MTV Dầu Khí Đông Sài Gòn: Hợp đồng Mua LPG, Bán LPG; Thuê văn phòng.
- Phát sinh giao dịch giữa VMG với Công ty liên quan đến thành viên Ban kiểm soát:
  + Công ty Cổ phần Năng Lượng Long Yin Long An: Hợp đồng Bán LPG; Bảo dưỡng vỏ bình; Vận chuyển thuê; Cho thuê xe; Thuê vận chuyển.
  + Công ty TNHH Chấn Cường: Bán LPG
- Các hợp đồng giao dịch trên đều được ký kết với các điều khoản, điệu kiện cụ thể để làm căn cứ thực hiện.

5. Kết quả giám sát đối với HĐQT và Ban Tổng giám đốc

a. Đánh giá hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị hoạt động theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động và các quy định pháp luật có liên quan.

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp trực tiếp, ban hành 04 nghị quyết và 13 quyết định để Ban điều hành triển khai thực hiện. HĐQT thường xuyên theo dõi hoạt động và tình hình thực hiện các quyết định đã ban hành, giám sát tình hình hoạt động của Đơn vị thông qua các báo cáo định kỳ của Công ty. HĐQT đã chỉ đạo, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của VMG thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

b. Đánh giá công tác quản lý của Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2024, Ban Tổng Giám đốc VMG luôn tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT VMG, các quy định pháp luật có liên quan.

- Thực hiện chức năng nhiệm vụ đúng với thẩm quyền được phân cấp, thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động của công ty với tinh thần trách nhiệm cao; thực hiện hầu hết các mục tiêu, chiến lược Hội đồng quản trị đã đề ra.
- Thường xuyên tổ chức họp với các bộ phận để chấn chỉnh những tồn tại và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công việc.
- Luôn chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn như: mua bảo hiểm tài sản, hàng

hóa, công tác thu hồi công nợ luôn được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi công nợ, giảm thiểu nợ khó đòi, nợ tồn đọng.

- Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc trả lương, thưởng và sử dụng các quỹ thực hiện đảm bảo công bằng, minh bạch theo đúng các quy chế đã được phê duyệt.
- Tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho tất cả Cán bộ nhân viên. Đồng thời, Cán bộ nhân viên Công ty đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế thu nhập cá nhân theo quy định.
- Xây dựng hình ảnh thương hiệu Vimexco Gas và được người tiêu dùng biết đến nhiều hơn thông qua việc đạt chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao hàng năm.
- Thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ/ bất thường theo qui định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Sự phối hợp giữa BKS, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cổ đông:

BKS đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ, cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của VMG. BKS được mời tham gia các cuộc họp để nắm bắt tình hình hoạt động của VMG.

BKS đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát bộ máy điều hành VMG để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành của cơ quan quản lý Nhà nước.

Trong năm, BKS không nhận được ý kiến, kiến nghị gì từ phía các cơ quan quản lý cũng như các cổ đông.

7. Kết luận và kiến nghị:

BKS nhất trí với Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị, Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2024 của VMG trình Đại hội.

BKS kiến nghị đối với các giao dịch giữa VMG và các bên liên quan đến thành viên HĐQT, BKS cần phải thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp.

Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch năm 2025, BKS kính đề nghị Ban lãnh đạo VMG:

- Tiếp tục tăng cường công tác tái cấu trúc theo hướng hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế, bám sát chiến lược phát triển VMG và toàn ngành;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm đối với hiệu quả chỉ tiêu cơ bản của HĐKD (ROA, ROE, EPS...).

PHẦN II

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2025

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của BKS theo qui định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VMG và nhiệm vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra/giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của

VMG.

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc VMG.

- Giám sát thanh lý tài sản;

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên và thường niên năm 2025.

- Thực hiện phân tích quản trị hàng tháng: Doanh số - Chi phí – Lợi nhuận

- Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra của VMG trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị, giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản các đoàn kiểm tra, kiểm toán.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của BKS năm 2024 và phương hướng hoạt động chủ yếu của BKS năm 2025.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Võ Cao Phong

CÔNG TY CP TM VÀ DV DẦU KHÍ VŨNG TÀU VIMEXCO GAS	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
……..***……	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: …/2025/NQ-ĐHĐCĐ	……..***……
	TP. HCM, ngày …. tháng 04 năm 2025

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU (VIMEXCO GAS)

Căn cứ:

- *Luật doanh nghiệp số 54/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Điều lệ Công ty CP TM&DV Dầu khí Vũng Tàu thông qua ngày 29/11/2024;*
- *Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số: …./2025/BB-ĐHĐCĐ ngày ……/…./2025 của Công ty CP TM&DV Dầu khí Vũng Tàu.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1 : Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 (toàn văn báo cáo đính kèm nghị quyết này).

Điều 2 : Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 (toàn văn báo cáo đính kèm nghị quyết này).

Điều 3 : Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch công tác năm 2025 (toàn văn báo cáo đính kèm nghị quyết này).

Điều 4 : Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam (toàn văn báo cáo đính kèm nghị quyết này).

Điều 5 : Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán sau làm đơn vị kiểm toán cho Công ty trong năm tài chính 2025.

1. Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam

Điều 6 : Thông qua Tờ trình về việc cập nhật, sửa đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ

1. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG)	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG) (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa: thuốc lá và xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, gạo, đường mía và đường củ cải).	4661

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đăng ký	Mã ngành
1	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh các dịch vụ khách sạn và du lịch	5510
2	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; Giám định, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa; Kiểm định phương tiện đo lường	7120

3. Thông qua việc cập nhật, sửa đổi ngành, nghề kinh doanh tại khoản 1 Điều 4 Ngành nghề kinh doanh của Công ty tại Điều lệ Công ty hiện hành.

4. Giao cho Hội đồng quản trị chủ động thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi ngành nghề kinh doanh tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bao gồm cả việc điều chỉnh nội dung chi tiết trong phạm vi các mã ngành, nghề đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 7 : Thông qua Tờ trình về việc thực hiện giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan

1. Chấp thuận toàn bộ các Hợp đồng giao dịch giữa Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu với các bên liên quan như sau:

STT	Tên tổ chức	Mối quan hệ với Công ty	Số ĐKKD	Nội dung, tổng giá trị giao dịch ước tính
1	Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Năng Lượng Thành phố Hồ Chí Minh	Đại diện theo pháp luật của Tổ chức là người có liên quan của Ông Lê Hữu Chí - Chủ tịch HĐQT	0317335894	Bán khí hóa lỏng LPG: 120.000.000.000 đồng Bảo dưỡng vỏ bình gas: 1.200.000.000 đồng Thuê vận chuyển: 3.000.000.000 đồng
2	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Năng Lượng Thái Bình Dương	Đại diện theo pháp luật của Tổ chức là người có liên quan của Ông Lê Hữu Chí - Chủ tịch HĐQT	0317328336	Bán khí hóa lỏng LPG: 100.000.000.000 đồng Bảo dưỡng vỏ bình gas: 1.000.000.000 đồng Thuê vận chuyển: 2.100.000.000 đồng

2. Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc ký kết các hợp đồng nêu trên với những điều khoản, điều kiện cụ thể, bao gồm các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt (nếu có).

Điều 8 : Điều khoản thi hành

Nghị Quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu Khí Vũng Tàu – VMG có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị Quyết này.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Lê Hữu Chí

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CP TM & DV DẦU KHÍ VŨNG TÀU
Ngày 29 tháng 04 năm 2025

THẺ BIỂU QUYẾT

Họ và tên Cổ đông:	
Mã số Cổ đông:	
Tổng số cổ phần sở hữu:	

Lưu ý : Phiếu biểu quyết này sử dụng để biểu quyết thông qua các vấn đề sau:

- Thành phần Chủ tịch đoàn, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu
- Chương trình Đại hội
- Quy chế làm việc tại Đại hội
- Dự thảo Biên bản, Nghị quyết của Đại hội
- Một số vấn đề khác

Xác nhận của Cổ đông/ Đại diện Cổ đông
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CTCP TM & DV DẦU KHÍ VŨNG TÀU
Ngày 29 tháng 04 năm 2025

PHIẾU BIỂU QUYẾT
(THÔNG QUA
CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH)

Tên Cổ đông:

Mã số Cổ đông:

Tổng số cổ phần:

THỂ LỆ BIỂU QUYẾT

1. **Cổ đông dùng Tổng số cổ phần của mình để biểu quyết:** Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến đối với từng đề mục Báo cáo, Tờ trình.
2. **Hình thức biểu quyết:**

   Đánh dấu chéo "X" hoặc " ✓" vào ô *Tán thành* hoặc *Không tán thành* hoặc *Không có ý kiến.*
3. **Những phiếu không hợp lệ:**

   Là những phiếu có nội dung nằm trong điểm d, khoản 1, điều 13 của Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

STT	Nội dung	Tán thành	Không Tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025			
2	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025			
3	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch công tác năm 2025			
4	Tờ trình V/v: thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán			
5	Tờ trình V/v: lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025			
6	Tờ trình V/v: cập nhật, sửa đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ			
7	Tờ trình V/v: thực hiện giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan			

Xác nhận của Cổ đông/ Đại diện Cổ đông
(Ký, ghi rõ họ tên)